

Số: 01/2010/TT-BKH

*Hà Nội, ngày 6 tháng 01 năm 2010*

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu xây lắp**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đấu thầu xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu xây lắp như sau:

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ mời thầu đối với gói thầu xây lắp của các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu khi thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong nước và quốc tế.

2. Đối với các gói thầu xây lắp thuộc các dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu Hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định về đấu thầu trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết.

#### **Điều 2. Mẫu Hồ sơ mời thầu xây lắp**

Mẫu Hồ sơ mời thầu xây lắp ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm những nội dung cơ bản sau:

## Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu

Ch-ong I. Yêu cầu về thủ tục đấu thầu

Ch-ong II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Ch-ong III. Tiêu chuẩn đánh giá và nội dung xác định giá đánh giá

Ch-ong IV. Biểu mẫu dự thầu

## Phần thứ hai. Yêu cầu về xây lắp

Ch-ong V. Giới thiệu dự án và gói thầu

Ch-ong VI. Bảng tiên l-ợng

Ch-ong VII. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Ch-ong VIII. Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Ch-ong IX. Các bản vẽ

## Phần thứ ba. Yêu cầu về hợp đồng

Ch-ong X. Điều kiện chung của hợp đồng

Ch-ong XI. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Ch-ong XII. Mẫu hợp đồng

Khi áp dụng Mẫu này, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ mời thầu căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà đ- a ra các yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; không đ- ợc đ- a ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Trong Mẫu này, những chữ *in nghiêng* là nội dung mang tính h- ớng dẫn, minh họa và sẽ đ- ợc ng- ời sử dụng cụ thể hóa căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Tr- ờng hợp sửa đổi, bổ sung vào phần in đứng của Mẫu này thì tổ chức, cá nhân lập hồ sơ mời thầu phải giải trình bằng văn bản và đảm bảo không trái với các quy định của pháp luật về đấu thầu; chủ đầu t- phải chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật về nội dung sửa đổi, bổ sung.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Thông t- này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2010. Thông t- này thay thế Quyết định số 731/2008/QĐ-BKH ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu t- ban hành Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung - ơng, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông t- này.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung - ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của mình hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Thông t- này (nếu cần thiết) nh- ng bảo đảm không trái với các quy định của Thông t- này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có v- ống mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung - ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu t- để kịp thời xem xét, chỉnh lý./.

***Nơi nhận:***

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung - ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch n- ớc;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà n- ớc;
- Cơ quan Trung - ương của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ; Công báo;
- Các Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ T- pháp;
- L- u: VT, Cục QLĐT (VH).

**BỘ TRƯỞNG**

**(đã ký)**

**Võ Hồng Phúc**

# **MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU XÂY LẮP**

*(Ban hành kèm theo Thông t- số: 01/2010/TT-BKH  
ngày 6 tháng 01 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu t-)*

# HỒ SƠ MỜI THẦU

*(tên gói thầu)*

*(tên dự án)*

*(tên chủ đầu tư)*

\_\_\_\_\_, ngày\_\_ tháng\_\_ năm\_\_\_\_\_

**Đại diện hợp pháp của tư vấn lập**

**HSMT (nếu có)**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**Đại diện hợp pháp của bên mời thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
Từ ngữ viết tắt.....	4
<b>Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu.....</b>	<b>5</b>
<b>Ch- ơng I. Yêu cầu về thủ tục đấu thầu .....</b>	<b>5</b>
A. Tổng quát .....	5
B. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu .....	7
C. Nộp hồ sơ dự thầu.....	12
D. Mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu .....	13
E. Trúng thầu .....	18
<b>Ch- ơng II. Bảng dữ liệu đấu thầu.....</b>	<b>22</b>
<b>Ch- ơng III. Tiêu chuẩn đánh giá và nội dung xác định giá đánh giá.....</b>	<b>29</b>
<b>Ch- ơng IV. Biểu mẫu dự thầu .....</b>	<b>35</b>
Mẫu số 1. Đơn dự thầu.....	35
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền .....	36
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh.....	37
Mẫu số 4. Bảng kê khai máy móc, thiết bị thi công chủ yếu .....	39
Mẫu số 5. Bảng kê khai dụng cụ, thiết bị thí nghiệm kiểm tra tại hiện tr- ờng thi công. 39	
Mẫu số 6. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ .....	40
Mẫu số 7A. Danh sách cán bộ chủ chốt.....	41
Mẫu số 7B. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của cán bộ chủ chốt.....	41
Mẫu số 7C. Bản kê khai sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật n- ớc ngoài .....	42

Mẫu số 8A. Biểu tổng hợp giá dự thầu.....	42
Mẫu số 8B. Biểu chi tiết giá dự thầu .....	43
Mẫu số 9A. Phân tích đơn giá dự thầu - Đối với đơn giá xây dựng chi tiết.....	44
Mẫu số 9B. Phân tích đơn giá dự thầu - Đối với đơn giá xây dựng tổng hợp .....	45
Mẫu số 10. Bảng tính giá vật liệu trong đơn giá dự thầu .....	45
Mẫu số 11. Các hợp đồng đang thực hiện của nhà thầu.....	46
Mẫu số 12. Hợp đồng t- ơng tự do nhà thầu thực hiện. ....	47
Mẫu số 13. Tóm tắt về hoạt động của nhà thầu .....	48
Mẫu số 14. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu .....	49
Mẫu số 15. Bảo lãnh dự thầu.....	50
<b>Phần thứ hai. Yêu cầu về xây lắp .....</b>	<b>51</b>
<b>Ch- ơng V. Giới thiệu dự án và gói thầu .....</b>	<b>51</b>
<b>Ch- ơng VI. Bảng tiên l- ợng .....</b>	<b>52</b>
<b>Ch- ơng VII. Yêu cầu về tiến độ thực hiện .....</b>	<b>53</b>
<b>Ch- ơng VIII. Yêu cầu về mặt kỹ thuật .....</b>	<b>54</b>
<b>Ch- ơng IX. Các bản vẽ .....</b>	<b>55</b>
<b>Phần thứ ba. Yêu cầu về hợp đồng.....</b>	<b>56</b>
<b>Ch- ơng X. Điều kiện chung của hợp đồng .....</b>	<b>56</b>
<b>Ch- ơng XI. Điều kiện cụ thể của hợp đồng .....</b>	<b>67</b>
<b>Ch- ơng XII. Mẫu hợp đồng.....</b>	<b>72</b>
Mẫu số 16. Hợp đồng.....	72
Mẫu số 17. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.....	75
Mẫu số 18. Bảo lãnh tiền tạm ứng.....	76
<b>Phụ lục 1. Biểu giá.....</b>	<b>77</b>
<b>Phụ lục 2. Các ví dụ .....</b>	<b>78</b>

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Gói thầu ODA	Là gói thầu sử dụng vốn vay ODA từ các nhà tài trợ

(Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA, Ngân hàng Tái thiết Đức - KfW, Cơ quan Phát triển Pháp - AFD...)

Luật sửa đổi	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư - xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009
Nghị định 85/CP	Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đồng đô la Mỹ
HĐTV	Hội đồng tư vấn

**Phần thứ nhất**  
**CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU**

**Chương I**  
**YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

**A. TỔNG QUÁT**



## **Mục 1. Nội dung đấu thầu**

1. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu xây lắp thuộc dự án nêu tại **BDL**. Tên gói thầu và nội dung công việc chủ yếu đ- ọc mô tả trong **BDL**.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng đ- ọc tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có). Thời gian thực hiện hợp đồng đ- ọc quy định trong **BDL**.

3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu đ- ọc quy định trong **BDL**.

## **Mục 2. Điều kiện tham gia đấu thầu của nhà thầu**

1. Có t- cách hợp lệ nh- quy định trong **BDL**;

2. Chỉ đ- ọc tham gia trong một HSDT với t- cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Tr- ờng hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Ch- ơng IV, trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

3. Đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu nêu trong thông báo mời thầu (*tr- ờng hợp đấu thầu rộng rãi*) hoặc th- mời thầu (*tr- ờng hợp đấu thầu hạn chế hoặc đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển*);

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu nh- quy định trong **BDL**;

5. Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Điều 12 Luật Đấu thầu và khoản 3, khoản 21 Điều 2 Luật sửa đổi.

## **Mục 3. Tính hợp lệ của vật t- , máy móc, thiết bị đ- ọc sử dụng**

1. Vật t- , máy móc, thiết bị đ- a vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo những yêu cầu khác nêu tại **BDL**. Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của vật t- , máy móc, thiết bị; ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) của sản phẩm.

2. “Xuất xứ của vật tư, máy móc, thiết bị” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ vật t- , máy móc, thiết bị hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với vật t- , máy móc, thiết bị trong tr- ờng hợp có nhiều n- ớc hoặc lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra vật t- , máy móc, thiết bị đó.

3. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh sự phù hợp (đáp ứng) của vật t- , máy móc, thiết bị theo yêu cầu đ- ọc quy định trong **BDL**.

## **Mục 4. Chi phí dự thầu**

Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi mua HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

### **Mục 5. HSMT và giải thích làm rõ HSMT**

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Tr- ờng hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ và thời gian ghi trong **BDL** (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong **BDL**, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu mua HSMT.

Trong tr- ờng hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được bên mời thầu ghi lại thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu mua HSMT.

### **Mục 6. Khảo sát hiện tr- ờng**

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện tr- ờng phục vụ cho việc lập HSDT. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện tr- ờng theo quy định tại **BDL**. Chi phí khảo sát hiện tr- ờng để phục vụ cho việc lập HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện tr- ờng như: tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

### **Mục 7. Sửa đổi HSMT**

Tr- ờng hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi xây lắp hoặc các nội dung yêu cầu khác, bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT đến tất cả các nhà thầu mua HSMT trước thời điểm đóng thầu một số ngày nhất định được quy định trong **BDL**. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

## **B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU**

## **Mục 8. Ngôn ngữ sử dụng**

HSĐT cũng nh- tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu phải đ- ợc viết bằng ngôn ngữ nh- quy định trong **BDL**.

## **Mục 9. Nội dung HSĐT**

HSĐT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Ch- ơng này;
2. Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 14 Ch- ơng này;
3. Tài liệu chứng minh t- cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 Ch- ơng này;
4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của vật t- , máy móc, thiết bị đ- a vào xây lắp theo quy định tại Mục 3 Ch- ơng này;
5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 Ch- ơng này;
6. Đề xuất về mặt kỹ thuật theo quy định tại Phần thứ hai của HSMT này, bao gồm cả ph- ơng án, biện pháp thi công tổng thể và biện pháp thi công chi tiết các hạng mục công trình (gồm bản vẽ và thuyết minh); sơ đồ tổ chức thi công, sơ đồ tổ chức quản lý, giám sát chất l- ợng, an toàn lao động của nhà thầu và biểu đồ tiến độ thực hiện hợp đồng; biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị, máy móc và vật t- , vật liệu chính phục vụ thi công và các nội dung khác theo yêu cầu của HSMT.
7. Các nội dung khác quy định tại **BDL**.

## **Mục 10. Thay đổi t- cách tham gia đấu thầu**

Tr- ờng hợp nhà thầu cần thay đổi t- cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì thực hiện theo quy định tại **BDL**.

## **Mục 11. Đơn dự thầu**

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và phải đ- ợc ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Ch- ơng IV, có chữ ký của ng- ời đại diện hợp pháp của nhà thầu (là ng- ời đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc ng- ời đ- ợc ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Ch- ơng IV). Tr- ờng hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ theo quy định trong **BDL** để chứng minh t- cách hợp lệ của ng- ời đ- ợc ủy quyền. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ tr- ờng hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Tr- ờng hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện nh- đối với nhà thầu độc lập.

## **Mục 12. Đề xuất ph-ong án kỹ thuật thay thế trong HSDT**

1. Trừ tr-ờng hợp quy định tại **BDL**, đề xuất ph-ong án kỹ thuật nêu trong HSDT (ph-ong án thiết kế mới) thay thế cho ph-ong án kỹ thuật nêu trong HSMT sẽ không đ-ợc xem xét.

2. Khi nhà thầu đề xuất các ph-ong án kỹ thuật thay thế vẫn phải chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT (ph-ong án chính). Ngoài ra, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết bao gồm bản vẽ thi công, giá dự thầu đối với ph-ong án thay thế trong đó bóc tách các chi phí cấu thành, quy cách kỹ thuật, biện pháp thi công và các nội dung liên quan khác đối với ph-ong án thay thế. Ph-ong án thay thế chỉ đ-ợc xem xét đối với nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất theo ph-ong án quy định trong HSMT.

## **Mục 13. Đề xuất biện pháp thi công trong HSDT**

Trừ các biện pháp thi công yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nêu trong HSMT, nhà thầu đ-ợc đề xuất các biện pháp thi công cho các hạng mục công việc khác phù hợp với khả năng của mình và quy mô, tính chất của gói thầu nh-ng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật để hoàn thành công việc xây lắp theo thiết kế.

## **Mục 14. Giá dự thầu và biểu giá**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về xây lắp nêu tại Phần thứ hai của HSMT này.

2. Nhà thầu phải ghi đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên l-ợng theo Mẫu số 8A, 8B Ch-ong IV. Đơn giá dự thầu phải bao gồm các yếu tố quy định tại **BDL**.

Tr-ờng hợp nhà thầu phát hiện tiên l-ợng ch-a chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối l-ợng sai khác này để chủ đầu t- xem xét. Nhà thầu không đ-ợc tính toán phần khối l-ợng sai khác này vào giá dự thầu.

3. Tr-ờng hợp nhà thầu có th- giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận đ-ợc tr-ớc thời điểm đóng thầu. Tr-ờng hợp th- giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu tr-ớc hoặc tại thời điểm đóng thầu hoặc phải có bảng kê thành phần HSDT trong đó có th- giảm giá. Trong th- giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong

Bảng tiên l- ợng. Tr- ờng hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì đ- ợc hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên l- ợng.

4. Tr- ờng hợp gói thầu đ- ợc chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần nh- quy định trong **BDL** thì nhà thầu có thể chào cho một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu cần chào đủ các hạng mục trong một hoặc nhiều phần của gói thầu mà mình tham dự.

5. Tr- ờng hợp tại **BDL** yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá dự thầu, nhà thầu phải ghi đầy đủ các thông tin phù hợp vào bảng Phân tích đơn giá dự thầu (lập theo Mẫu số 9A, 9B Ch- ơng IV), Bảng tính giá vật liệu trong đơn giá dự thầu (lập theo Mẫu số 10 Ch- ơng IV).

### **Mục 15. Đồng tiền dự thầu**

Giá dự thầu đ- ợc chào bằng đồng tiền đ- ợc quy định trong **BDL**.

### **Mục 16. Tài liệu chứng minh t- cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

1. Tài liệu chứng minh t- cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh t- cách hợp lệ của mình nh- quy định trong **BDL**.

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Ch- ơng này.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Khả năng huy động máy móc thiết bị thi công đ- ợc liệt kê theo Mẫu số 4 Ch- ơng IV; kê khai cán bộ chủ chốt điều hành thi công tại công tr- ờng theo Mẫu số 7A, 7B Ch- ơng IV; các hợp đồng đang thực hiện và các hợp đồng t- ơng tự do nhà thầu thực hiện đ- ợc liệt kê theo Mẫu số 11 và Mẫu số 12 Ch- ơng IV; kê khai tóm tắt về hoạt động của nhà thầu theo Mẫu số 13 Ch- ơng IV; năng lực tài chính của nhà thầu đ- ợc liệt kê theo Mẫu số 14 Ch- ơng IV. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSMT cho phần việc đ- ợc phân công thực hiện trong liên danh.

b) Các tài liệu khác đ- ợc quy định trong **BDL**.

3. Việc sử dụng lao động nước ngoài được quy định trong **BDL**.<sup>1</sup>

### **Mục 17. Bảo đảm dự thầu**

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong **BDL**. Tr- ờng hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nh- ng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại khoản 1 Mục 17 **BDL**; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh đ- ợc xác định là không hợp lệ thì hồ sơ dự thầu của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong tr- ờng hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nh- ng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại khoản 1 Mục 17 **BDL**.

2. Bảo đảm dự thầu đ- ợc coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các tr- ờng hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của bên mời thầu) và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu (đối với nhà thầu liên danh thì theo quy định tại khoản 1 Mục này), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với th- bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ đ- ợc hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định trong **BDL**. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu đ- ợc hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Nhà thầu không đ- ợc nhận lại bảo đảm dự thầu trong các tr- ờng hợp sau đây:

a) Rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận đ- ợc thông báo trúng thầu của bên mời thầu mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành th- ơng thảo, hoàn

---

<sup>1</sup> Trường hợp gói thầu không cần sử dụng lao động nước ngoài thì không quy định nội dung này. Tr- ờng hợp HSMT quy định nội dung này, nhà thầu kê khai theo Mẫu số 7C Ch- ơng IV.

thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng mà không có lý do chính đáng;

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Trên hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm dự thầu.

### **Mục 18. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính từ thời điểm đóng thầu và phải đảm bảo như quy định trong **BDL**. HSDT có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định trong **BDL** là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT một hoặc nhiều lần với tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trên hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

### **Mục 19. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản chụp HSDT được quy định trong **BDL** và ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như: chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trên hợp bản chụp có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, bên mời thầu sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 39 Chương này.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thương giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV yêu cầu đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn dự thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

## C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

### Mục 20. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT bao gồm các nội dung nêu tại Mục 9 Chương này. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong **BDL**.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định tại Mục này.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại khoản 1, khoản 2 Mục này.

### Mục 21. Thời hạn nộp HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu như sau phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong **BDL**.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Mục 7 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSMT, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDT sẽ được đăng tải trên báo Đấu thầu tối thiểu 1 kỳ (kể cả tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế) và đăng trên trang thông tin điện tử về đấu thầu (trừ trường hợp không thuộc diện bắt buộc).<sup>2</sup> Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi

---

<sup>2</sup> Ngoài việc đăng tải như tại khoản 3 Mục này, bên mời thầu có thể gửi thông báo trực tiếp đến nhà thầu đã mua HSMT và đăng tải đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.



rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT đã nộp (bao gồm cả hiệu lực của HSDT) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà thầu chấp nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

### **Mục 22. HSDT nộp muộn**

Bất kỳ tài liệu nào, kể cả thanh giảm giá (nếu có) được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu quy định tại Mục 25 Chương này).

### **Mục 23. Sửa đổi hoặc rút HSDT**

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

## **D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU**

### **Mục 24. Mở thầu**

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo thời gian và địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. Bên mời thầu có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu có tên trong danh sách mua HSMT (bao gồm cả nhà thầu thay đổi cách tham dự thầu) và nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. HSDT của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDT đã nộp và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

- a) Kiểm tra niêm phong HSDT;
- b) Mở HSDT;
- c) Đọc và ghi vào biên bản các thông tin chủ yếu:
  - Tên nhà thầu;

- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá dự thầu nêu trong đơn dự thầu;
- Giảm giá (nếu có);
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có) theo quy định tại Mục 23 Chương này;
- Các thông tin khác liên quan.

4. Biên bản mở thầu cần được đại diện bên mời thầu, đại diện của từng nhà thầu có mặt và đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận. Bản chụp của biên bản mở thầu được gửi cho tất cả nhà thầu nộp HSDT.

5. Sau khi mở thầu, bên mời thầu sẽ ký xác nhận vào từng trang bản gốc của tất cả HSDT và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”. Việc đánh giá HSDT được tiến hành theo bản chụp.

### **Mục 25. Làm rõ HSDT**

1. Trong quá trình đánh giá HSDT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDT (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Trường hợp HSDT thiếu tài liệu như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMT thì nhà thầu có thể được bên mời thầu yêu cầu bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tính cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và được thực hiện dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDT thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **Mục 26. Đánh giá sơ bộ HSDT**

1. Kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDT, gồm:
  - a) Tính hợp lệ của đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này;
  - b) Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Chương này (nếu có);
  - c) Tính cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 2 và khoản 1 Mục 16 Chương này;
  - d) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT theo quy định tại khoản 1 Mục 19 Chương này;
  - đ) Sự hợp lệ của bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 Chương này;
  - e) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT được quy định trong **BDL**.
2. HSDT không đáp ứng một trong những điều kiện tiên quyết nêu trong **BDL** thì bị loại và HSDT không được xem xét tiếp.
3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 1 Chương III.<sup>(3)</sup>

#### **Mục 27. Đánh giá về mặt kỹ thuật**

Bên mời thầu tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCDG nêu tại Mục 2 Chương III. Các HSDT đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật sau khi được chủ đầu tư phê duyệt mới được xác định giá đánh giá.

#### **Mục 28. Xác định giá đánh giá**

Bên mời thầu xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); trừ các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có th- giảm giá thì bên mời thầu sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu ch- a trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá dự thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Mục 3 Chương III.

#### **Mục 29. Sửa lỗi**

---

<sup>(3)</sup> Trường hợp đánh giá năng lực và kinh nghiệm sau khi xác định giá đánh giá thì chuyển khoản này vào cuối Mục 28.

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSĐT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác đ-ợc tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Tr-ờng hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Tr-ờng hợp đơn giá sai mà số l-ợng, khối l-ợng và thành tiền đúng thì lấy thành tiền làm cơ sở pháp lý để xác định đơn giá;

- Tr-ờng hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

Lỗi số học đ-ợc tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Cột thành tiền đ-ợc điền vào mà không có đơn giá t-ương ứng thì đơn giá đ-ợc xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số l-ợng;

- Khi có đơn giá nh-ng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ đ-ợc xác định bổ sung bằng cách nhân số l-ợng với đơn giá;

- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nh-ng bỏ trống số l-ợng thì số l-ợng bỏ trống đ-ợc xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Tr-ờng hợp số l-ợng đ-ợc xác định bổ sung nêu trên khác với số l-ợng nêu trong HSMT thì đ-ợc coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và đ-ợc hiệu chỉnh theo quy định tại khoản 1 Mục 30 Ch-ương này;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ng-ợc lại thì đ-ợc sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Tr-ờng hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Tr-ờng hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số làm cơ sở pháp lý và thực hiện sửa lỗi số học (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này;

- Tr-ờng hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi đ-ợc hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu

về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Tr- ờng hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học đ- ợc tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

### **Mục 30. Hiệu chỉnh các sai lệch**

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Việc hiệu chỉnh sai lệch đ- ợc thực hiện nh- sau:

Tr- ờng hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ đ- ợc cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ đ- ợc trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các hồ sơ dự thầu khác v- ợt qua b- ớc đánh giá về mặt kỹ thuật. Tr- ờng hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất v- ợt qua b- ớc đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc trong dự toán.

2. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch đ- ợc tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

### **Mục 31. Chuyển đổi sang một đồng tiền chung**

Tr- ờng hợp cho phép các nhà thầu chào giá bằng nhiều đồng tiền khác nhau theo quy định tại Mục 15 Ch- ơng này, để có cơ sở cho việc đánh giá và so sánh các HSDT, bên mời thầu quy đổi giá dự thầu về cùng một đồng tiền căn cứ vào tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền n- ớc ngoài theo quy định trong **BDL**.

### **Mục 32. Tiếp xúc với bên mời thầu**

Tr- ờng hợp đ- ợc yêu cầu làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 Ch- ơng này, đàm phán hợp đồng (đối với gói thầu xây lắp phức tạp, nếu có), th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng, nhà thầu không đ- ợc phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình cũng nh- liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian kể từ thời điểm mở thầu đến khi thông báo kết quả đấu thầu.

## **E. TRÚNG THẦU**

### **Mục 33. Điều kiện đ- ợc xem xét đề nghị trúng thầu**

Nhà thầu đ- ọc xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Đ- ọc đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 1 Ch- ơng III;
3. Có đề xuất về mặt kỹ thuật đ- ọc đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Ch- ơng III;
4. Có giá đánh giá thấp nhất theo quy định tại Mục 3 Ch- ơng III;
5. Có giá đề nghị trúng thầu không v- ợt giá gói thầu đ- ọc duyệt.

#### **Mục 34. Quyền của bên mời thầu đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu**

Bên mời thầu đ- ọc quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi và các văn bản h- ớng dẫn thực hiện.

#### **Mục 35. Thông báo kết quả đấu thầu**

1. Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu tới các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, bên mời thầu không giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

2. Bên mời thầu gửi thông báo trúng thầu bằng văn bản tới nhà thầu trúng thầu kèm theo dự thảo hợp đồng theo Mẫu số 16 Ch- ơng XII đã đ- ọc ghi các thông tin cụ thể của gói thầu và kế hoạch th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm và những vấn đề cần trao đổi khi th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng.

#### **Mục 36. Th- ơng thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

Th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện nh- sau:

1. Việc th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:
  - Kết quả đấu thầu đ- ọc duyệt;
  - Dự thảo hợp đồng theo Mẫu số 16 Ch- ơng XII đã đ- ọc điền đầy đủ các thông tin cụ thể của gói thầu;
  - Các yêu cầu nêu trong HSMT;

- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung cần đ- ợc th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận đ- ợc thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại **BDL**, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho bên mời thầu văn bản chấp thuận vào th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu bên mời thầu không nhận đ- ợc văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Mục 17 Ch- ơng này. Đồng thời, bên mời thầu báo cáo chủ đầu t- xem xét, quyết định hủy kết quả đấu thầu tr- ớc đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để có cơ sở pháp lý mời vào th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Trong tr- ờng hợp đó, nhà thầu sẽ đ- ợc bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu, nếu cần thiết.

3. Nội dung th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, ch- a hoàn chỉnh, chi tiết hoá các nội dung còn ch- a cụ thể, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT. Việc th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc xem xét các sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ph- ơng án thay thế hoặc bổ sung do nhà thầu đề xuất (nếu có), khối l- ợng công việc trong bảng tiên l- ợng mời thầu ch- a chính xác so với thiết kế do nhà thầu phát hiện, đề xuất trong HSDT hoặc do bên mời thầu phát hiện sau khi phát hành HSMT và việc áp giá đối với phần công việc mà tiên l- ợng tính thiếu so với thiết kế.

4. Sau khi đạt đ- ợc kết quả th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu t- và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Trong tr- ờng hợp liên danh, hợp đồng đ- ợc ký kết phải bao gồm chữ ký của tất cả các thành viên trong liên danh.

### **Mục 37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Ch- ơng X để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không đ- ợc nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong tr- ờng hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

### **Mục 38. Kiến nghị trong đấu thầu**

1. Nhà thầu tham dự thầu có quyền kiến nghị về kết quả đấu thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Kiến nghị về những vấn đề trong quá trình đấu thầu mà không phải về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:

a) Nhà thầu kiến nghị bằng văn bản trong khoảng thời gian từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả đấu thầu;

b) Đơn kiến nghị phải được gửi trước tiên đến bên mời thầu theo tên, địa chỉ nêu tại **BDL**. Bên mời thầu có trách nhiệm giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn kiến nghị;

c) Trường hợp bên mời thầu không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của bên mời thầu thì nhà thầu được quyền gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư theo tên, địa chỉ nêu tại **BDL** để xem xét, giải quyết. Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn kiến nghị;

d) Trường hợp chủ đầu tư không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của chủ đầu tư thì nhà thầu được quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền theo tên, địa chỉ nêu tại **BDL** để xem xét, giải quyết. Người có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn kiến nghị.

3. Kiến nghị về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:

a) Nhà thầu kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu;

b) Theo trình tự quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Mục này;

c) Trường hợp chủ đầu tư không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của chủ đầu tư thì nhà thầu được quyền gửi đơn kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Chủ tịch Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị để xem xét, giải quyết.

Nhà thầu phải nộp một khoản chi phí là 0,01% giá dự thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng cho bộ phận trường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn nêu tại **BDL**. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

d) Hội đồng tư vấn phải có báo cáo kết quả làm việc gửi người có thẩm quyền trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ khi nhận được đơn kiến nghị. Trong



thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đ- ọc báo cáo kết quả làm việc của Hội đồng t- vấn, ng- ời có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết kiến nghị của nhà thầu.

4. Khi có kiến nghị, nhà thầu có quyền khởi kiện ngay ra Tòa án. Tr- ờng hợp nhà thầu lựa chọn cách giải quyết không khởi kiện ra Tòa án thì thực hiện kiến nghị theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Mục này.

### **Mục 39. Xử lý vi phạm trong đấu thầu**

1. Tr- ờng hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định 85/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm đ- ọc gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ đ- ọc gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu t- để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm đ- ọc thực hiện ở bất kỳ địa ph- ơng, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả n- ớc và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

## **Ch- ơng II BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU**

*Bảng dữ liệu đấu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số mục t- ơng ứng trong Ch- ơng I (Yêu cầu về thủ tục đấu thầu). Nếu có*

bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

Mục	Khoản	Nội dung
1	1	- Tên gói thầu: _____ [ <i>Ghi tên gói thầu theo kế hoạch đấu thầu đã- ợc duyệt</i> ] - Tên dự án: _____ [ <i>Ghi tên dự án đã- ợc duyệt</i> ] - Tên bên mời thầu: _____ [ <i>Ghi tên bên mời thầu</i> ] - Nội dung công việc chủ yếu: _____ [ <i>Ghi nội dung yêu cầu</i> ]
	2	Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ <i>[Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch đấu thầu đã- ợc duyệt]</i>
	3	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: _____ <i>[Ghi rõ nguồn vốn hoặc ph- ơng thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu; tr- ờng hợp sử dụng vốn ODA thì phải nêu rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn (ngoài n- ớc, trong n- ớc)]</i>
2	1	T- cách hợp lệ của nhà thầu: _____ <i>[Nêu yêu cầu về t- cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 7 của Luật Đấu thầu, chẳng hạn nhà thầu phải có một trong các loại văn bản pháp lý sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu t- , Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...]</i>
	4	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: _____ <i>[Căn cứ tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu trên cơ sở tuân thủ nội dung về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật sửa đổi và Điều 3 Nghị định 85/CP]</i>
3	1	Yêu cầu khác về tính hợp lệ của vật t- , máy móc, thiết bị đ- a vào xây lắp: _____ <i>[Nêu yêu cầu khác về tính hợp lệ của vật t- , máy móc, thiết bị đ- a vào xây lắp, nếu có]</i>
	3	Tài liệu chứng minh sự đáp ứng của vật t- , máy móc, thiết bị đ- a vào xây lắp: _____ <i>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh sự đáp ứng của vật t- , máy móc, thiết bị: có thể chỉ cần yêu cầu các tài liệu chứng minh đối với một số vật t- , máy móc, thiết bị chủ yếu, hoặc yêu cầu tài liệu chứng minh đối với tất cả vật t- , máy móc, thiết bị. Tài liệu để chứng minh có thể d- ới hình thức bản vẽ, số liệu và văn bản khác, chẳng hạn:            a) Bảng liệt kê chi tiết danh mục vật t- , máy móc, thiết bị đ- a vào xây lắp;            b) Tài liệu về mặt kỹ thuật nh- tiêu chuẩn vật t- , máy móc,</i>

		<p>thiết bị, tính năng, thông số kỹ thuật, thông số bảo hành của từng loại (kèm theo bản vẽ để mô tả, nếu cần thiết), và các nội dung khác nh- yêu cầu nêu tại Ch- ơng VIII;</p> <p>c) Các nội dung yêu cầu khác (nếu có)]</p>
5	2	<p>- Địa chỉ bên mời thầu: _____ [Ghi địa chỉ bên mời thầu]</p> <p>- Thời gian nhận đ- ọc văn bản yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không muộn hơn ____ ngày tr- ớc thời điểm đóng thầu.</p> <p>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi số ngày cụ thể cho phù hợp]</p>
6	1	<p>Bên mời thầu h- ớng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện tr- ờng: _____</p> <p>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi “Có” hoặc “Không”. Tr- ờng hợp bên mời thầu h- ớng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện tr- ờng thì ghi rõ thời gian, địa điểm.]</p>
7		<p>Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ đ- ọc bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu mua HSMT tr- ớc thời điểm đóng thầu tối thiểu _____ ngày.</p> <p>[Ghi số ngày cụ thể, nh- ng phải đảm bảo đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT và không đ- ọc quy định ít hơn 10 ngày]</p>
8		<p>Ngôn ngữ sử dụng: _____</p> <p>[Ghi cụ thể ngôn ngữ sử dụng. Đối với đấu thầu trong n- ớc, ghi “Tiếng Việt”. Đối với đấu thầu quốc tế, tr- ờng hợp HSMT bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMT bằng tiếng Anh và tiếng Việt thì quy định “Nhà thầu có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT căn cứ vào nội dung của bản HSMT bằng tiếng Anh”. Đối với các tài liệu khác có liên quan thì cần yêu cầu giới hạn trong một số loại ngôn ngữ thông dụng, nếu nhà thầu sử dụng ngôn ngữ khác thì yêu cầu phải có bản dịch sang ngôn ngữ cùng với ngôn ngữ của HSDT.]</p>
9	7	<p>Các nội dung khác: _____ [Ghi các nội dung khác, nếu có]</p>
10		<p>Thay đổi t- cách tham dự thầu: _____</p> <p>[Ghi quy định về thay đổi t- cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi phê duyệt danh sách nhà thầu mời tham gia đấu thầu hoặc khi mua HSMT.</p> <p>Đối với đấu thầu rộng rãi không sơ tuyển thì quy định “Nhà thầu cần gửi văn bản thông báo về việc thay đổi t- cách tham gia đấu thầu (nếu có) đến bên mời thầu. Bên mời thầu chấp thuận sự thay đổi t- cách khi nhận đ- ọc văn bản thông báo của nhà thầu tr- ớc thời điểm đóng thầu.”</p> <p>Đối với đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển hoặc đấu thầu hạn chế thì quy định: “Nhà thầu cần gửi văn bản thông báo về việc thay đổi t- cách tham gia đấu thầu (nếu có) đến bên mời thầu. Bên</p>

		<p>mời thầu chỉ xem xét khi nhận đ- ọc văn bản thông báo của nhà thầu tr- ớc thời điểm đóng thầu tối thiểu _____ [<i>Ghi số ngày</i>]<sup>4</sup> ngày. Việc thay đổi t- cách tham gia đấu thầu là hợp lệ khi có chấp thuận của chủ đầu t- tr- ớc thời điểm đóng thầu bằng văn bản. Tr- ờng hợp cần thiết, bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận bằng fax, e-mail tr- ớc, bản gốc đ- ọc gửi theo đ- ờng b- u điện. Tr- ờng hợp không chấp thuận việc thay đổi t- cách tham gia đấu thầu của nhà thầu thì bên mời thầu sẽ nêu rõ lý do phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.”]</p>
11		<p>Tài liệu, giấy tờ để chứng minh t- cách hợp lệ của ng- ời đ- ọc ủy quyền: _____</p> <p><i>[Ghi cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu phải gửi để chứng minh t- cách hợp lệ của ng- ời đ- ọc ủy quyền nh- bản sao Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh đã đ- ọc chứng thực...]</i></p>
12	1	<p>Việc xem xét ph- ơng án kỹ thuật thay thế trong quá trình đánh giá HSDT: _____</p> <p><i>[Căn cứ tính chất của gói thầu mà ghi “Có” hoặc “Không”]</i></p>
14	2	<p>Đơn giá dự thầu bao gồm: _____</p> <p><i>[Nêu các yếu tố cấu thành đơn giá dự thầu, chẳng hạn đơn giá dự thầu là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí xây lắp khác đ- ọc phân bổ trong đơn giá dự thầu nh- xây bến bãi, nhà ở công nhân, kho x- ưởng, điện, n- ớc thi công, kể cả việc sửa chữa đền bù đ- ờng có sẵn mà xe, thiết bị thi công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, các chi phí bảo vệ môi tr- ờng, cảnh quan do đơn vị thi công gây ra...]</i></p> <p><i>Tr- ờng hợp bảng tiên l- ợng mời thầu bao gồm các hạng mục về bố trí lán trại, chuyển quân, chuyển máy móc, thiết bị... thì nhà thầu không phải phân bổ các chi phí này vào trong các đơn giá dự thầu khác mà đ- ọc chào cho từng hạng mục này.]</i></p>
	4	<p>Các phần của gói thầu: _____</p> <p><i>[Tr- ờng hợp gói thầu đ- ọc chia thành nhiều phần thì nêu rõ danh mục, nội dung công việc của từng phần và điều kiện dự thầu theo từng phần hoặc nhiều phần. Trong mục này cũng quy định rõ cách chào giá riêng cho từng phần hoặc nhiều phần, giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần và nguyên tắc xét duyệt trúng thầu cho một hoặc nhiều phần của gói thầu. Việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ đ- ọc thực hiện theo từng phần và kết hợp giữa các phần với nhau trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc tổng giá đánh giá của</i></p>

<sup>4</sup> Thông th- ờng tối thiểu là 3 ngày tr- ớc ngày đóng thầu.

		<i>các phần là thấp nhất và giá trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu đã được duyệt mà không so sánh với - ước tính chi phí của từng phần.]</i>
	5	Phân tích đơn giá dự thầu: _____ <i>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu phân tích đơn giá của các hạng mục chính, hoặc nêu yêu cầu phân tích đơn giá đối với tất cả hạng mục trong bảng tiên lượng, hoặc ghi rõ là không yêu cầu nhà thầu phải phân tích đơn giá đối với bất kỳ hạng mục nào.]</i>
15		Đồng tiền dự thầu: _____ <i>[Ghi đồng tiền dự thầu. Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà thầu chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau, ví dụ: VND, USD... Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà thầu chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ kèm theo bản liệt kê chi tiết nội dung công việc và giá trị ngoại tệ tương ứng, song phải đảm bảo nguyên tắc một đồng tiền cho một khối lượng cụ thể; các loại chi phí trong nước phải được chào thầu bằng đồng Việt Nam]</i>
16	1	a) Tài liệu chứng minh cách hợp lệ của nhà thầu: _____ <i>[Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của khoản 1 Mục 2 của BDL này, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...]</i>
	2	b) Các tài liệu khác chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu: _____ <i>[Nêu tài liệu chứng minh khác (nếu có)]</i>
	3	Sử dụng lao động nước ngoài: _____ <i>[Chỉ quy định mục này khi gói thầu có yêu cầu về sử dụng lao động nước ngoài. Ghi “Nhà thầu kê khai trong HSDT số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của cán bộ kỹ thuật, chuyên gia nước ngoài huy động để thực hiện gói thầu nếu cần thiết. Nhà thầu không được sử dụng lao động nước ngoài thực hiện công việc mà lao động trong nước có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động không qua đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ. Lao động nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động.”]</i>
17	1	Nội dung yêu cầu về bảo đảm dự thầu: - Hình thức bảo đảm dự thầu: _____ <i>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể hình thức bảo đảm dự thầu theo một hoặc nhiều biện pháp: đặt cọc, ký quỹ hoặc thế chấp lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Nếu yêu cầu</i>

		<p><i>nộp th- bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo lãnh phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành đảm bảo nội dung quy định tại Mẫu số 15 Ch- ơng IV. Tr- ờng hợp bảo lãnh do một ngân hàng, tổ chức tài chính ở n- ớc ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam hoặc phải đ- ợc một ngân hàng của Việt Nam có quan hệ đại lý với ngân hàng, tổ chức tài chính phát hành xác nhận tr- ớc khi gửi bên mời thầu. Nếu cho phép nhà thầu đ- ợc thực hiện bảo đảm dự thầu theo biện pháp đặt cọc, ký quỹ thì nêu rõ cách thực hiện.]</i></p> <p>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: _____</p> <p><i>[Ghi cụ thể giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định giá trị bảo đảm dự thầu từ 1% đến 3% giá gói thầu. Tr- ờng hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, cần quy định rõ giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần theo khoản 4 Mục 14 BDL].</i></p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: _____ ngày kể từ thời điểm đóng thầu.</p> <p><i>[Ghi rõ số ngày, đ- ợc xác định bằng toàn bộ thời gian có hiệu lực của HSDT quy định trong Mục 18 BDL cộng thêm 30 ngày.]</i></p>
	3	<p>Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong thời hạn tối đa ___ ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu.</p> <p><i>[Ghi rõ số ngày, nh- ng không quá 30 ngày]</i></p>
18	1	<p>Thời gian có hiệu lực của HSDT là _____ ngày kể từ thời điểm đóng thầu.</p> <p><i>[Ghi rõ số ngày tùy thuộc quy mô, tính chất của gói thầu, nh- ng không đ- ợc quy định quá 180 ngày. Ví dụ: Thời gian có hiệu lực của HSDT là 30 ngày kể từ 10 giờ sáng ngày 01/12/2009 có nghĩa là: HSDT có hiệu lực từ 10 giờ sáng ngày 01/12/2009 đến 24 giờ ngày 30/12/2009]</i></p>
19	1	<p>Số l- ợng HSDT phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bản gốc; và</li> <li>- _____ bản chụp <i>[Ghi rõ số l- ợng yêu cầu nh- ng không quá 5 bản]</i></li> </ul>
20	1	<p>Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT: _____</p> <p><i>[Nêu cụ thể cách trình bày. Ví dụ: Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDT:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____</li> <li>- Địa chỉ nộp HSDT: _____ <i>[Ghi tên, địa chỉ của bên mời thầu]</i></li> <li>- Tên gói thầu: _____ <i>[Ghi tên gói thầu]</i></li> <li>- Không đ- ợc mở tr- ớc _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ <i>[Ghi thời điểm mở thầu]</i></li> </ul> <p><i>[Tr- ờng hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn</i></p>

		<i>phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu sửa đổi "</i>
21	1	Thời điểm đóng thầu: ___ giờ, ngày ___ tháng ___ năm ___ <i>[Ghi thời điểm đóng thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu cho phù hợp, đảm bảo quy định thời gian từ khi phát hành HSMT đến thời điểm đóng thầu tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong n-ớc, 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế.]</i>
24	1	Việc mở thầu sẽ đ-ợc tiến hành công khai vào lúc ___ giờ, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại _____ <i>[Ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần l- u ý quy định thời điểm mở thầu sao cho bảo đảm việc mở thầu phải tiến hành ngay sau thời điểm đóng thầu]</i>
26	1	e) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT: _____ <i>[Nêu các yêu cầu khác (nếu có) căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu về tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDT.]</i>
	2	HSDT của nhà thầu sẽ bị loại bỏ nếu thuộc một trong các điều kiện tiên quyết sau: a) Nhà thầu không có tên trong danh sách mua HSMT, trừ tr- ờng hợp thay đổi t- cách tham dự thầu theo quy định tại Mục 10 BDL; b) Nhà thầu không bảo đảm t- cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Mục 2 và khoản 1 Mục 16 BDL; c) Nhà thầu không đáp ứng điều kiện về năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; d) Không có bảo đảm dự thầu hoặc có bảo đảm dự thầu nh- ng không hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Mục 17 Ch- ơng I; đ) Không có bản gốc HSDT; e) Đơn dự thầu không hợp lệ theo quy định tại Mục 11 Ch- ơng I; g) Hiệu lực của HSDT không bảo đảm yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 18 BDL; h) HSDT có giá dự thầu không cố định, chào thầu theo nhiều mức giá hoặc giá có kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu t- ; i) Nhà thầu có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với t- cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh); k) Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Đấu thầu và khoản 3, khoản 21 Điều 2 của Luật sửa đổi. <i>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định thêm các điều kiện tiên quyết khác có tính đặc thù của gói thầu.]</i>
31		Đồng tiền quy đổi là đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra do một ngân hàng th- ơng mại <sup>5</sup> _____ <i>[Ghi tên ngân hàng th- ơng mại có uy tín mà căn cứ vào tỷ giá do ngân hàng đó công bố để quy đổi]</i> công bố vào ngày _____ <i>[Ghi ngày, thông th- ờng tối thiểu</i>

<sup>5</sup> Có thể quy định "tỷ giá bán ra trung bình của 2-3 ngân hàng thương mại lớn, có uy tín" làm tỷ giá để quy đổi.

		<i>5 ngày tr- ớc ngày đóng thầu]</i>
36	2	Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận vào th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa ___ ngày <i>[Ghi rõ số ngày nh- ng không quá 30 ngày]</i> kể từ ngày thông báo trúng thầu.
38	2	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: b) Địa chỉ của bên mời thầu: _____ <i>[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ]</i> c) Địa chỉ của chủ đầu t- : _____ <i>[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ]</i> d) Địa chỉ của ng- ời có thẩm quyền: _____ <i>[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ]</i>
	3	Bộ phận th- ờng trực giúp việc của HĐTV: _____ <i>[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ]</i>

### **Ch- ơng III**

## **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ**



*Ch- ơng này bao gồm TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (tr- ờng hợp không áp dụng sơ tuyển), TCĐG về mặt kỹ thuật, nội dung xác định giá đánh giá. Tr- ờng hợp gói thầu đã thực hiện sơ tuyển, bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu khẳng định lại các thông tin về năng lực, kinh nghiệm mà nhà thầu đã kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển.*

*TCĐG và nội dung xác định giá đánh giá d- ối đây chỉ mang tính h- ớng dẫn. Khi soạn thảo nội dung này cần căn cứ theo tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp. Tr- ờng hợp cho phép nhà thầu chào ph- ơng án thay thế thì phải nêu rõ tiêu chuẩn, ph- ơng pháp đánh giá HSDT làm căn cứ cho việc đánh giá HSDT.*

*TCĐG phải công khai trong HSMT. Trong quá trình đánh giá HSDT phải tuân thủ TCĐG nêu trong HSMT, không đ- ợc thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào.*

### **Mục 1. TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu <sup>(1)</sup>**

Các TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu đ- ợc sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” cả 3 nội dung nêu tại các điểm 1, 2 và 3 trong bảng d- ối đây thì đ- ợc đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Các điểm 1, 2 và 3 chỉ được đánh giá “đạt” khi tất cả nội dung chi tiết trong từng điểm đ- ợc đánh giá là “đạt”.

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

Stt	Nội dung yêu cầu <sup>(2)</sup>	Mức yêu cầu tối thiểu để đ- ợc đánh giá là đáp ứng (đạt)
<b>1</b>	<b>Kinh nghiệm</b>	
	<i>1.1. Kinh nghiệm chung về thi công xây dựng:</i>	
	<i>Số năm hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng <sup>(3)</sup></i>	
	<i>1.2. Kinh nghiệm thi công gói thầu t- ơng tự:</i>	
	<i>Số l- ợng các hợp đồng xây lắp t- ơng tự đã thực hiện với t- cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và n- ớc ngoài trong thời gian ____ [Ghi số năm] <sup>(4)</sup> năm gần đây.</i>	

Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có \_\_\_\_\_ [Ghi số hợp đồng]<sup>(5)</sup> hợp đồng xây lắp t-ơng tự với phần công việc đảm nhận trong liên danh.

## **2 Năng lực kỹ thuật**

2.1. Năng lực hành nghề xây dựng

2.2. Nhân sự chủ chốt <sup>(6)</sup>

2.3. Thiết bị thi công chủ yếu <sup>(7)</sup>

## **3 Năng lực tài chính**

### **3.1. Doanh thu**

Doanh thu trung bình hàng năm trong \_\_\_\_\_ [Ghi số năm] <sup>(8)</sup> năm gần đây.

Trong tr-ờng hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh đ-ợc tính bằng tổng doanh thu trung bình hàng năm của các thành viên trong liên danh.

### **3.2. Tình hình tài chính lành mạnh**

Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh (chọn một hoặc một số chỉ tiêu tài chính phù hợp) <sup>(9)</sup>. Trong tr-ờng hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh.

(a) số năm nhà thầu hoạt động không bị lỗ trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 3.1 Mục này từ \_\_ năm trở lên

(b) hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đạt mức \_\_\_\_\_

(c) giá trị ròng đạt mức \_\_\_\_\_

---

## **4 Các yêu cầu khác (nếu có)<sup>(10)</sup>**

### Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng mục này đối với gói thầu không tiến hành sơ tuyển.

(2) Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định nội dung chi tiết về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu cho phù hợp.

(3), (4) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa ph-ơng để quy định cho phù hợp. Thông th-ờng từ 3 năm đến 5 năm.

(5) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tự. Đối với nhà thầu liên danh thì kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên liên danh, tuy nhiên kinh nghiệm của mỗi thành viên chỉ xét theo phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận trong liên danh.

Hợp đồng xây lắp tự là hợp đồng trong đó công việc xây lắp có các tính chất tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tự về bản chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu này theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với các công việc đặc thù, có thể chỉ yêu cầu nhà thầu phải có hợp đồng thi công tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

- Tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét.

Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phân công việc xây lắp của hợp đồng trong khoảng 50%-70% giá trị phân công việc xây lắp của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu đảm bảo có hợp đồng thi công tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tự về điều kiện hiện tại.

(6) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định các nhân sự chủ chốt như: chỉ huy công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội thi công. Yêu cầu đối với các vị trí nhân sự chủ chốt phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Yêu cầu về các thiết bị thi công chủ yếu được xác định theo phạm vi và tính chất của các công tác thi công trong gói thầu. Căn cứ đặc thù của gói thầu mà các thiết bị thi công chủ yếu có thể bao gồm thiết bị thi công công tác đất (máy đào, san ủi, đầm), thiết bị thi công nền, móng (gia cố nền, thi công cọc, móng), thiết bị vận tải (xe tải, xe ben), thiết bị vận tải nâng (cần cẩu, vận thăng), thiết bị định vị, đo đạc công trình (kinh vĩ, thủy bình), thiết bị cho công tác bê tông cốt thép (cốp pha, cắt uốn thép, trộn bê tông, vận chuyển, bơm bê tông, đầm bê tông), giàn giáo, máy hàn, máy bơm, máy phát điện dự phòng... Đối với mỗi loại thiết bị, cần nêu rõ yêu cầu về tính năng kỹ thuật, số lượng. Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

(8) Đối với yêu cầu về doanh thu:

- Thời gian yêu cầu thông th-ờng là 3 năm. Trong một số tr-ờng hợp có thể quy định 1-2 năm để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới thành lập.

- Cách tính toán thông th-ờng về mức yêu cầu doanh thu trung bình hàng năm:

a. Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm =

(Giá gói thầu / thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k;

Thông th-ờng yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b. Tr-ờng hợp thời gian thực hiện hợp đồng d-ới 1 năm thì cách tính doanh thu nh- sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm =

Giá gói thầu x k

Thông th-ờng yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

c. Đối với tr-ờng hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối l-ợng do từng thành viên đảm nhiệm.

(9) Đối với yêu cầu về tình hình tài chính:

Có thể quy định một số chỉ tiêu để đánh giá tình hình tài chính của nhà thầu với cách tính cụ thể nh- sau:

a. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu hoạt động không bị lỗ từ 1 đến 3 năm trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính.

b. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là cao hay thấp. Nợ ngắn hạn là những khoản nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh. Hệ số này đ-ợc tính bằng công thức:

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn =

tài sản ngắn hạn / tổng nợ ngắn hạn

Khi đánh giá, chỉ đánh giá hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của năm cuối cùng trong các năm tài chính gần đây theo yêu cầu của HSMT.

Yêu cầu về hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn phải quy định > 1.

Tr-ờng hợp doanh nghiệp không có nợ ngắn hạn phải trả thì doanh nghiệp đó đ-ợc coi là đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính đối với chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

c. Giá trị ròng (vốn chủ sở hữu) cho biết tình hình hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp, tính bằng công thức:

Giá trị ròng = Tổng tài sản – tổng nợ phải trả

*Thông thường quy định mức tối thiểu là giá trị rỗng phải d-ong.*

*(10) Yêu cầu khác mà chủ đầu t- xét thấy cần thiết để đảm bảo khả năng thực hiện gói thầu.*

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật**

*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng ph-ong pháp chấm điểm hoặc phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.*

### **2.1. TCDG theo ph-ong pháp chấm điểm<sup>6</sup>**

*Căn cứ tính chất của gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát (nếu thấy cần thiết). Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức quy định này không thấp hơn 80%. HSĐT có tổng số điểm (cũng nh- số điểm của từng nội dung, nếu có yêu cầu) đạt bằng hoặc v-ợt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ đ-ợc đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và đ-ợc tiếp tục xác định giá đánh giá.*

*Ví dụ về TCDG về mặt kỹ thuật theo ph-ong pháp chấm điểm đ-ợc nêu ở ví dụ 1, Phụ lục 2 Mẫu HSMT này.*

### **2.2. TCDG theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”**

*Căn cứ tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, chỉ sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chí “đạt”, “không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chí “chấp nhận được” nhưng không đ-ợc v-ợt quá 30% tổng số các nội dung yêu cầu trong TCDG.*

*HSĐT đ-ợc đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”.*

*Ví dụ về TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” được nêu ở ví dụ 2, Phụ lục 2 Mẫu HSMT này.*

## **Mục 3. Nội dung xác định giá đánh giá**

*Căn cứ tính chất của từng gói thầu mà quy định các yếu tố để xác định giá đánh giá theo Bảng d-ới đây cho phù hợp.*

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Căn cứ xác định</b>
1	Xác định giá dự thầu	Theo Mục 28 Ch-ong I
2	Sửa lỗi	Theo Mục 29 Ch-ong I
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	Theo Mục 30 Ch-ong I

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng tiêu chí “đạt/không đạt” thì xóa bỏ khoản này.

4	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch	Tổng của giá trị các nội dung: (1) + (2) + (3)
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)	Giá trị nội dung (4) – giá trị giảm giá (nếu có)
6	Chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung (nếu có)	Theo Mục 31 Ch- ơng I
7	Đ- a các chi phí về một mặt bằng so sánh theo các yếu tố <sup>(1)</sup> d- ối đây: a) Các điều kiện về mặt kỹ thuật - Tiến độ thực hiện - Chi phí quản lý, vận hành - Chi phí bảo d- ỡng - Các yếu tố kỹ thuật khác b) Điều kiện tài chính, th- ơng mại c) Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế (nếu có) d) Các yếu tố khác.	Theo Mục 28 Ch- ơng I
8	Giá đánh giá	Tổng giá trị nội dung (5) hoặc (6) (tr- ờng hợp cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch về một đồng tiền chung) + giá trị nội dung (7)

**Ghi chú:**

(1) Các yếu tố tại khoản này phải đ- ợc quy đổi thành tiền để xác định giá đánh giá và phải nêu rõ cách tính căn cứ vào các điều kiện về mặt kỹ thuật có thể tính toán và l- ợng hóa yếu tố kinh tế, kỹ thuật. Căn cứ tính chất của gói thầu mà lựa chọn các yếu tố đ- a về một mặt bằng cho phù hợp. Tr- ờng hợp không có các yếu tố cần thiết để đ- a về một mặt bằng thì ghi rõ giá đánh giá chính là giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).



**Ch- ơng IV**  
**BIỂU MẪU DỰ THẦU**

**Mẫu số 1**

**ĐƠN DỰ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận đ- ợc, chúng tôi, \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(1)</sup>* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi đ- ợc chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 Ch- ơng I và Điều 3 Điều kiện chung của hợp đồng trong hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ \_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *[Ghi thời điểm đóng thầu]*.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(2)</sup>**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(3)</sup>]*

**Ghi chú:**

(1) Tr- ờng hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào.

(2) Tr- ờng hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp d- ới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Ch- ơng này; tr- ờng hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp d- ới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Ch- ơng này). Nếu nhà thầu trúng thầu, tr- ớc khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu t- bản chụp đ- ợc chứng thực các văn bản này. Tr- ờng hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 39 Ch- ơng I của HSMT này.

(3) Tr- ờng hợp nhà thầu n- ớc ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSMT là của ng- ời đại diện hợp pháp của nhà thầu.



**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của ng-ời đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là ng-ời đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của ng-ời đ-ợc ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Tham gia quá trình th-ong thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong tr-ờng hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu t- nếu đ-ợc lựa chọn.] <sup>(2)</sup>*

Ng-ời đ-ợc ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với t- cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên ng-ời đ-ợc ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này đ-ợc lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý nh- nhau, ng-ời ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, ng-ời đ-ợc ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Ng-ời đ-ợc ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu (nếu có)]*

**Ng-ời ủy quyền**

*[Ghi tên ng-ời đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Tr-ờng hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải đ-ợc gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Ch-ong I. Việc ủy quyền của ng-ời đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp d-ới, giám đốc chi nhánh, ng-ời đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho ng-ời đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong tr-ờng hợp đ-ợc ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan đ-ợc ủy quyền. Ng-ời đ-ợc ủy quyền không đ-ợc tiếp tục ủy quyền cho ng-ời khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(7)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

Căn cứ<sup>(8)</sup> \_\_\_\_\_ [Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội];

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư - xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009];

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [ngày đã- ợc ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (tr- ờng hợp đã- ợc ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào đã- ợc tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Tr- ờng hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể đã- ợc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi đ- ọc sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Tr- ờng hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình nh- ã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý nh- sau:

- Bồi th- ờng thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi th- ờng thiệt hại cho chủ đầu t- theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên nh- sau:

### **1. Thành viên đứng đầu liên danh**

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau <sup>(9)</sup>:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;*

*- Tham gia quá trình th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong tr- ờng hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh \_\_\_\_ [*Ghi cụ thể phân công việc và giá trị t- ơng ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị t- ơng ứng*].

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các tr- ờng hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy đấu thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh đ- ọc lập thành \_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý nh- nhau.

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

---

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

## **Mẫu số 4**

### **BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU <sup>(1)</sup>**

Loại máy móc, thiết bị thi công	Số l- ợng	Công suất	Tính năng	N- ớc sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê <sup>(2)</sup>	Chất l- ợng sử dụng hiện nay

#### **Ghi chú:**

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này.

(2) Tr- ờng hợp thuê máy móc, thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản cam kết hai bên, bản sao hợp đồng...). Nếu nhà thầu trúng thầu, tr- ớc khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu t- bản chụp hợp đồng thuê máy móc, thiết bị. Tr- ờng hợp thuộc sở hữu của nhà thầu thì cần có giấy tờ chứng minh.

## **Mẫu số 5**

### **BẢNG KÊ KHAI DỤNG CỤ, THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KIỂM TRA TẠI HIỆN TRƯỜNG THI CÔNG**

Loại dụng cụ, thiết bị	Số l- ợng	Tính năng kỹ thuật	N- ớc sản xuất	Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê	Chất l- ợng sử dụng hiện nay

**Ghi chú:** Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Tr- ờng hợp không yêu cầu nhà thầu phải kê khai thì bỏ Mẫu này.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

Stt	Tên nhà thầu phụ (nếu có) <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc	Khối l- ợng công việc	Giá trị - ớc tính	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu chính (nếu có)
1					
2					
3					
...					

**Ghi chú:**

(1) Tr- ờng hợp không sử dụng nhà thầu phụ thì không kê khai vào Mẫu này.

(2) Tr- ờng hợp nhà thầu dự kiến đ- ợc tên nhà thầu phụ thì kê khai vào cột này. Tr- ờng hợp ch- a dự kiến đ- ợc thì để trống nh- ng nhà thầu phải kê khai phạm vi công việc, khối l- ợng công việc và giá trị - ớc tính dành cho nhà thầu phụ.

**DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Stt	Họ tên	Chức danh <sup>(1)</sup>
1		
2		
3		
...		

**Ghi chú:** Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực, kinh nghiệm công tác của từng cán bộ chủ chốt theo Mẫu số 7B.

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA  
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Chức danh<sup>(1)</sup>: \_\_\_\_\_

1 - Họ tên: \_\_\_\_\_ Tuổi: \_\_\_\_\_  
2 - Bằng cấp: \_\_\_\_\_  
Tr- ờng: \_\_\_\_\_ Ngành: \_\_\_\_\_  
3 - Địa chỉ liên hệ: \_\_\_\_\_ Số điện thoại: \_\_\_\_\_

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án t- ơng tự	Vị trí t- ơng tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý t- ơng ứng

**Ghi chú:** Gửi kèm theo bản chụp đ- ọc chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_  
**Ng- ời khai**  
[ký tên]

(1), (2) Ghi chức danh dự kiến cho gói thầu này. Ví dụ: Giám đốc điều hành

**BẢN KÊ KHAI SỬ DỤNG CHUYÊN GIA,  
CÁN BỘ KỸ THUẬT NƯỚC NGOÀI**

Stt	Họ tên	Quốc tịch	Trình độ học vấn	Năng lực chuyên môn	Chức danh đảm nhiệm dự kiến	Thời gian thực hiện công việc dự kiến
1						
2						
3						
...						

**Ghi chú:** Trường hợp không sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài thì không kê khai vào Mẫu này.

**BIỂU TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

Stt	Nội dung công việc	Thành tiền
1	Công tác thoát nước (Biểu giá chi tiết 1)	
2	Công tác nền đường (Biểu giá chi tiết 2)	
3	Công tác xử lý nền đất yếu (Biểu giá chi tiết 3)	
...		
<b>Cộng</b>		
Thuế (áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trừ thuế)		
<b>TỔNG CỘNG</b>		

Tổng cộng: \_\_\_\_\_ [Ghi bằng số]

Bằng chữ: \_\_\_\_\_

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:** Biểu tổng hợp giá dự thầu đ- ợc lập trên cơ sở các biểu chi tiết

**Mẫu số 8B**

### BIỂU CHI TIẾT GIÁ DỰ THẦU <sup>(1)</sup>

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối l- ợng mời thầu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
...					
TỔNG CỘNG					

#### Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Có thể lập từng biểu chi tiết cho từng hạng mục chính, ví dụ cho công tác thoát nước...

Cột (2): Ghi các nội dung công việc nh- Bảng tiên l- ợng mời thầu

Cột (4): Ghi đúng khối l- ợng đ- ợc nêu trong Bảng tiên l- ợng mời thầu.

Tr- ờng hợp nhà thầu phát hiện tiên l- ợng ch- a chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối l- ợng sai khác này để chủ đầu t- xem xét, không ghi chung vào biểu này.





**PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

Đối với đơn giá xây dựng chi tiết

**Hạng mục công việc:** \_\_\_\_\_

Đơn vị tính: \_\_\_\_\_ [Ghi loại tiền]

Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
DG.1		Chi phí VL				
	VL.1					
	VL.2					
	...					
		Cộng				VL
		Chi phí NC (theo cấp bậc thợ bình quân)	công			NC
		Chi phí MTC				
	M.1		ca			
	M.2		ca			
	...					
		Cộng				M
<b>TỔNG CỘNG</b>						$\Sigma_l$

**Ghi chú:** (1) Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá theo Mẫu này. Tr- ờng hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này. Tr- ờng hợp đơn giá đ- ợc tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính tr- ớc.

Cột (6): Là đơn giá do nhà thầu chào, không phải là đơn giá do Nhà n- ớc quy định.

**Mẫu số 9B**

**PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
Đối với đơn giá xây dựng tổng hợp  
**Hạng mục công việc:** \_\_\_\_\_

Đơn vị tính: \_\_\_\_\_ [*Ghi loại tiền*]

Mã hiệu đơn giá	Thành phần công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành phần chi phí			Tổng cộng
				Vật liệu	Nhân công	Máy	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
DG.1							$\Sigma_l$
DG.2							
DG.3							
...							
	Cộng			VL	NC	M	$\Sigma$

**Ghi chú:**

(1) Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá theo Mẫu này. Tr-ờng hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này. Tr-ờng hợp đơn giá đ-ợc tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính tr-ớc.

Cột (5), (6), (7): Là đơn giá do nhà thầu chào, không phải là đơn giá do Nhà n-ớc quy định.

**Mẫu số 10**

**BẢNG TÍNH GIÁ VẬT LIỆU TRONG ĐƠN GIÁ DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Đơn giá của vật liệu	Chi phí đến công tr-ờng	Đơn giá tính trong giá dự thầu <sup>(2)</sup>
-----	---------------	-------------	----------------------	-------------------------	---

1					
2					
...					

**Ghi chú:**

(1) Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích giá vật liệu theo Mẫu này. Tr- ờng hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này.

(2) Là đơn giá do nhà thầu chào, không phải là đơn giá do Nhà n- ớc quy định.

**Mẫu số 11**

**HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu t-	Giá hợp đồng (hoặc giá trị đ- ợc giao thực hiện)	Giá trị phân công việc ch- a hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu t- về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:** Trong tr- ờng hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**HỢP ĐỒNG TỰ ONG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		T- ong đ- ong _____ VND hoặc USD [Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Trong tr- ờng hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	T- ong đ- ong _____ VND hoặc USD [Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu t- :	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu t- trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu t- ]		
Điện thoại/fax:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
<b>Mô tả tính chất t- ong tự theo quy định tại Mục 1 Ch- ơng III <sup>(2)</sup></b>			
1. Loại, cấp công trình	[Ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]		
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	[Mô tả về độ phức tạp của công trình]		
5. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác theo Ch- ơng V]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu t- về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trong tr- ờng hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng t- ong tự đã và đang thực hiện.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung t- ong tự với yêu cầu của gói thầu.

**TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**1. Tên nhà thầu:** \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

**2. Tổng số năm kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng:** .....

Tổng số năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực hoạt động xây dựng  
đối với gói thầu này: \_\_\_\_\_

**3. Tổng số lao động hiện có:**

a) Trong hoạt động chung của doanh nghiệp: \_\_\_\_\_

b) Trong lĩnh vực xây lắp: \_\_\_\_\_

Trong đó, cán bộ chuyên môn: \_\_\_\_\_

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên đầy đủ của nhà thầu*]

**A. Tóm tắt các số liệu về tài chính** trong \_\_\_\_ năm tài chính gần đây [*Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương III*].

Đơn vị tính: \_\_\_\_ [*Ghi loại tiền*]

Stt		Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận tr-ớc thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

**B. Tài liệu gửi đính kèm** nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp đ-ợc chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong \_\_\_\_ năm tài chính gần đây [*Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương III*];
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong \_\_\_\_ năm tài chính gần đây [*Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương III*];
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong \_\_\_\_ năm tài chính gần đây [*Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương III*];
4. Báo cáo kiểm toán.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**Ghi chú:** Trong tr-ờng hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên bên mời thầu*]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu tham dự thầu*], sau đây gọi là “nhà thầu”, sẽ tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*].

Chúng tôi \_\_\_\_ [*Ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính*], xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong hồ sơ mời thầu.<sup>(2)</sup>

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày kể từ \_\_\_\_\_<sup>(4)</sup>. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì \_\_\_\_ [*Ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính*] phải nhận đ- ợc tr- ớc khi kết thúc thời hạn nói trên.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**Ghi chú:**

(1) Chỉ áp dụng trong tr- ờng hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là th- bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Tr- ờng hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSMT.”

(3) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 17 của BDL.

(4) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 21 của BDL.



## Phần thứ hai YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

### Chương V

#### GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu nh- địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin cần thiết khác.

##### 1. Giới thiệu về dự án

###### a) Dự án:

- Tên dự án
- Chủ đầu t-
- Nguồn vốn
- Quyết định đầu t-
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu

###### b) Địa điểm xây dựng

- Vị trí
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp n- ớc, thoát n- ớc, cấp điện, đường giao thông...

###### c) Quy mô xây dựng

- Loại công trình và chức năng
- Quy mô và các đặc điểm khác

##### 2. Giới thiệu về gói thầu

###### a) Phạm vi công việc của gói thầu

###### b) Thời hạn hoàn thành.

## Ch- ơng VI

### BẢNG TIÊN L- ỢNG

*Ch- ơng này liệt kê khối l- ợng công việc mà nhà thầu phải thực hiện làm căn cứ để nhà thầu tính toán giá dự thầu.*

Stt	Hạng mục, nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối l- ợng	Ghi chú
1				(Có thể nêu yêu cầu kỹ thuật tham chiếu)
2				
...				

Tr- ờng hợp nhà thầu phát hiện tiên l- ợng ch- a chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối l- ợng sai khác này để chủ đầu t- xem xét. Nhà thầu không đ- ợc tính toán phần khối l- ợng sai khác này vào giá dự thầu.

*Ví dụ minh họa về Bảng tiên l- ợng đ- ợc nêu ở ví dụ 3, Phụ lục 2 Mẫu HSMT này.*

#### Ghi chú:

1. Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong dự toán thiết kế để cấu trúc thành bảng tiên l- ợng, nên rút gọn, đ- a danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối l- ợng liên quan tới biện pháp thi công mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên nêu chi tiết.

2. Danh mục và khối l- ợng công việc phải phù hợp với nguyên tắc thanh toán sau này (trộn gói/nghiệm thu theo bản vẽ thi công, theo thực tế,...)

3. Những công việc t- ơng tự hoặc trong chu trình thi công liên tục để hình thành sản phẩm xây lắp thì nên cấu trúc để nhà thầu chào d- ối dạng đơn giá tổng hợp.

4. Khi lập Bảng tiên l- ợng đối với gói thầu lớn, nên phân thành nhóm công việc t- ơng tự, nh- công tác chuẩn bị, công tác đất đá, công tác ngầm, công tác bê tông, công tác kết cấu thép,...

*Ví dụ: Đối với công tác bê tông, th- ờng lập dự toán phân vữa, biện pháp đổ cầu, thủ công, hoặc bơm, công tác cốp pha riêng nh- ng Bảng tiên l- ợng chỉ nên đ- a thành một mục là bê tông. Trong tr- ờng hợp này, trong cột Ghi chú có thể nêu: “Thuyết minh tại mục ... trong Ch- ơng VIII - Yêu cầu về mặt kỹ thuật” hoặc “Phạm vi công việc bao gồm toàn bộ các chi phí vữa, biện pháp thi công, chi phí cốp pha để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật”.*

## Ch- ong VII

### **YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

*Ch- ong này nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.*

*Tr- ờng hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.*

Stt	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
4			
...			

## **Ch- ơng VIII**

### **YÊU CẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT**

*Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật phải đ- ợc soạn thảo dựa trên cơ sở quyết định đầu t- kèm theo các tài liệu làm cơ sở của quyết định đầu t- , kế hoạch đấu thầu, hồ sơ thiết kế và các tài liệu h- ớng dẫn kèm theo, các quy định pháp luật về đấu thầu.*

*Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:*

- 1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;*
- 2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;*
- 3. Yêu cầu về chủng loại, chất l- ợng vật t- , máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về ph- ơng pháp thử);*
- 4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;*
- 5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;*
- 6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);*
- 7. Yêu cầu về vệ sinh môi tr- ờng;*
- 8. Yêu cầu về an toàn lao động;*
- 9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;*
- 10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;*
- 11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất l- ợng của nhà thầu;*
- 12. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.*

*Trong yêu cầu về mặt kỹ thuật không đ- ợc đ- a ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đ- a ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu, không đ- ợc nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật t- , máy móc, thiết bị.*

*Tr- ờng hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật t- , máy móc, thiết bị từ một n- ớc hoặc vùng lãnh thổ nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của vật t- , máy móc, thiết bị thì phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm t- ơng đ- ơng nghĩa là có đặc tính kỹ thuật t- ơng tự, có tính năng sử dụng là t- ơng đ- ơng với các vật t- , máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định h- ớng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.*

*Đối với các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, có thể được miêu tả dưới hình thức bảng biểu như ví dụ minh họa về yêu cầu về vật liệu xây dựng và quy phạm thi công nêu tại ví dụ 4 và ví dụ 5, Phụ lục 2 Mẫu HSMT này.*

## **Chương IX**

### **CÁC BẢN VẼ**

Chương này liệt kê các bản vẽ<sup>(1)</sup>.

Stt	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản / ngày phát hành
1			
2			
3			
4			
...			

**Ghi chú:**

*(1) Chủ đầu tư căn cứ vào pháp luật về xây dựng để đưa ra danh mục các bản vẽ cho phù hợp.*

**Phần thứ ba**  
**YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG**

**Chương X**  
**ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

**A. TỔNG QUÁT**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.
3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được nêu tại **ĐKCT**.
4. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (độc lập hoặc liên danh) được nêu tại **ĐKCT**.
5. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc xây dựng đã được dự kiến trong HSDT.
6. “Thẩm định giám sát” là nhà thầu thẩm định được chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Tên nhà thầu thẩm định giám sát được nêu tại **ĐKCT**.
7. “Ngày khởi công” là ngày mà chủ đầu tư quyết định cho nhà thầu bắt đầu thi công công trình.
8. “Thời gian hoàn thành” là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
9. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

10. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành đ- ợc tính từ ngày công trình đ- ợc nghiệm thu, bàn giao.

11. “Biên bản nghiệm thu” là biên bản được phát hành theo Điều 34 Chương này.

12. "Công tr- ờng" là địa điểm mà chủ đầu t- quy định cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình đ- ợc nêu tại **ĐKCT**.

## **Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng**

Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**.

## **Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo nội dung yêu cầu nêu tại **ĐKCT** để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ đ- ợc trả cho chủ đầu t- nh- một khoản bồi th- ờng cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

3. Chủ đầu t- phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn quy định tại **ĐKCT**.

## **Điều 4. Hình thức hợp đồng**

Hình thức hợp đồng đ- ợc quy định tại **ĐKCT**.

## **Điều 5. Nhà thầu phụ**

1. Nhà thầu đ- ợc ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tr- ớc chủ đầu t- về khối l- ợng, chất l- ợng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã đ- ợc nêu tại **ĐKCT** chỉ đ- ợc thực hiện khi chủ đầu t- chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không đ- ợc v- ợt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại **ĐKCT**.

3. Nhà thầu không đ- ợc sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT.

#### 4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.

### **Điều 6. Hợp tác với nhà thầu khác**

Việc hợp tác với nhà thầu khác để cùng sử dụng công tr- ờng đ- ợc thực hiện theo quy định tại ĐKCT.

### **Điều 7. Nhân sự của nhà thầu<sup>(12)</sup>**

1. Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong danh sách cán bộ chủ chốt đ- ợc đề cập tại ĐKCT để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác đ- ợc chủ đầu t- chấp thuận. Chủ đầu t- sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong tr- ờng hợp có lý do chính đáng, năng lực và trình độ của những ng- ời thay thế về cơ bản t- ơng đ- ơng hoặc cao hơn các cán bộ đ- ợc liệt kê trong danh sách.

2. Nếu chủ đầu t- yêu cầu nhà thầu buộc thôi việc một hoặc nhiều thành viên trong số nhân viên của nhà thầu với lý do chính đáng, nhà thầu phải bảo đảm rằng nhân viên đó sẽ rời khỏi công tr- ờng trong vòng 5 ngày làm việc và không còn mối liên hệ nào với công việc trong hợp đồng.

### **Điều 8. Bồi th- ờng thiệt hại**

1. Nhà thầu phải bồi th- ờng và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho chủ đầu t- , nhân viên của chủ đầu t- đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng của bất kỳ ng- ời nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ tr- ờng hợp do chủ đầu t- , các nhân viên của chủ đầu t- cầu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng;

b) Hỏng hóc hay mất mát bất cứ tài sản nào (không phải là công trình) xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ tr- ờng hợp do chủ đầu t- , các nhân viên của chủ đầu t- cầu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

2. Chủ đầu t- phải bồi th- ờng và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho nhà thầu, các nhân viên của nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính

---

<sup>12</sup> Tuân thủ quy định tại khoản 3 Mục 16 BDL.



mạng đ- ợc xác định do chủ đầu t- , các nhân viên của chủ đầu t- cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

### **Điều 9. Rủi ro của chủ đầu t-**

Kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu, chủ đầu t- chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:

1. Rủi ro về th- ơng tích, tử vong đối với con ng- ời, mất mát hoặc h- hỏng tài sản (loại trừ công trình, vật t- , máy móc, thiết bị) do lỗi của chủ đầu t- ;
2. Rủi ro về tổn thất, h- hại đối với công trình, vật t- , máy móc, thiết bị do lỗi của chủ đầu t- , do thiết kế của chủ đầu t- hoặc do bất khả kháng.

### **Điều 10. Rủi ro của nhà thầu**

Nhà thầu chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:

1. Các rủi ro không phải là rủi ro của chủ đầu t- , bao gồm rủi ro về th- ơng tích, tử vong, mất mát hay h- hỏng tài sản (kể cả đối với công trình, vật t- , máy móc, thiết bị) kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành.
2. Rủi ro về tổn thất, h- hại đối với công trình kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu do:
  - Bất kỳ sai sót nào xảy ra vào ngày hoàn thành;
  - Bất kỳ sự việc nào xảy ra tr- ớc ngày hoàn thành mà sự việc này không phải là rủi ro của chủ đầu t- ;
  - Các hoạt động của nhà thầu trên công tr- ờng sau ngày hoàn thành.

### **Điều 11. Giới hạn về trách nhiệm pháp lý**

1. Không bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với bên kia vì sự mất mát trong khi sử dụng công trình, sự thiệt hại về lợi nhuận, hay thiệt hại gián tiếp liên quan đến hợp đồng này ngoài các quy định về phạt do chậm trễ thực hiện hợp đồng, sửa chữa sai sót, thanh toán trong tr- ờng hợp chấm dứt hợp đồng, bồi th- ờng thiệt hại.

2. Trách nhiệm pháp lý của nhà thầu đối với chủ đầu t- theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng ngoài quy định về bồi th- ờng thiệt hại nêu tại Điều 8 Ch- ơng này không đ- ợc v- ợt quá tổng số tiền nêu tại **ĐKCT**.

3. Không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các tr- ờng hợp gian lận, lỗi cố ý hay hành vi bất cẩn của bên phạm lỗi.

### **Điều 12. Tr- ờng hợp bất khả kháng**

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng đ- ợc hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng l- ờng tr- ớc của các bên, chẳng hạn nh- : chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra tr- ờng hợp bất khả kháng, bên bị ảnh h- ớng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó đ- ợc cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo h- ớng dẫn của chủ đầu t- vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh h- ớng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong tr- ờng hợp này, chủ đầu t- phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do tr- ờng hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi th- ờng thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Tr- ờng hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ đ- ợc giải quyết theo quy định tại Điều 19 Ch- ơng này.

### **Điều 13. Bảo hiểm**

Yêu cầu về bảo hiểm đ- ợc quy định tại **ĐKCT**.

### **Điều 14. Công trình tạm**

Yêu cầu về công trình tạm đ- ợc quy định tại **ĐKCT**.

### **Điều 15. An toàn**

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công tr- ờng theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 16. Cổ vật phát hiện tại công tr- ờng**

Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể đ- ợc phát hiện tại công tr- ờng sẽ là tài sản của N- ớc Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu không cho ng- ời của mình hoặc ng- ời khác lấy hoặc làm h- hỏng cổ vật đ- ợc phát hiện. Nhà thầu phải thông báo ngay cho chủ đầu t- về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tr- ờng hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật, nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật, thì nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu t- để xem xét, giải quyết.

### **Điều 17. Quyền sử dụng công tr- ờng**

Chủ đầu t- phải giao quyền sử dụng công tr- ờng cho nhà thầu vào ngày nêu tại **ĐKCT**.

### **Điều 18. T- vấn giám sát**

1. T- vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

2. T- vấn giám sát có thể đ- a ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của t- vấn giám sát.

3. Tr- ờng hợp chủ đầu t- thay đổi t- vấn giám sát, chủ đầu t- sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

### **Điều 19. Giải quyết tranh chấp**

1. Chủ đầu t- và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua th- ơng l- ợng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết đ- ợc bằng th- ơng l- ợng, hòa giải trong thời gian quy định nêu tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đ- a việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế đ- ợc xác định tại **ĐKCT**.

## **B. QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

### **Điều 20. Ngày hoàn thành công trình**

Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày khởi công nêu tại **ĐKCT** và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Bảng tiến độ thi công chi tiết do nhà thầu trình và đ- ợc chủ đầu t- chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào ngày hoàn thành dự kiến nêu tại **ĐKCT**.

### **Điều 21. Bảng tiến độ thi công chi tiết**

1. Trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT**, nhà thầu phải trình chủ đầu t- xem xét, chấp thuận Bảng tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:

a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định đ- ợc nêu cụ thể trong hợp đồng;

c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các ph- ơng pháp mà nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số l- ợng cán bộ, công nhân và thiết bị của nhà thầu cần thiết trên công tr- ờng cho mỗi giai đoạn chính.

2. Nhà thầu phải thực hiện theo Bảng tiến độ thi công chi tiết sau khi Bảng này đ- ợc chủ đầu t- chấp thuận.

3. Nhà thầu phải trình chủ đầu t- xem xét, chấp thuận Bảng tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm không v- ợt quá thời gian nêu tại **ĐKCT**. Nếu nhà thầu không trình Bảng tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, chủ đầu t- có thể giữ lại một số tiền quy định tại **ĐKCT** trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ đ- ợc thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Bảng tiến độ thi công chi tiết này đ- ợc trình.

4. Việc chấp thuận Bảng tiến độ thi công chi tiết của chủ đầu t- sẽ không thay thế các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh lại Bảng tiến độ thi công chi tiết và trình lại cho chủ đầu t- vào bất kỳ thời điểm nào.

## **Điều 22. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng**

1. Chủ đầu t- và nhà thầu sẽ th- ơng thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những tr- ờng hợp sau đây:

a) Chủ đầu t- không giao quyền sử dụng công tr- ờng cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 17 Ch- ơng này;

b) Chủ đầu t- không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 5 Ch- ơng này mà không có lý do chính đáng;

c) Chủ đầu t- chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;

d) Các tr- ờng hợp khác đ- ợc mô tả tại **ĐKCT**.

2. Chủ đầu t- có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Tr- ờng hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu t- phải tiến hành th- ơng thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

## **Điều 23. Dự báo về sự cố**

Nhà thầu cần dự báo sớm cho chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.

### C. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

#### **Điều 24. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị**

1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị nêu tại **ĐKCT** để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.

3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

#### **Điều 25. Xử lý sai sót**

1. Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

2. Trường hợp tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu tiến hành một thí nghiệm mà không quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật để kiểm tra bất kỳ công việc nào xem có sai sót không và việc kiểm tra cho thấy có sai sót, thì nhà thầu phải thanh toán chi phí về thí nghiệm. Nếu không có sai sót, chi phí này sẽ được tính vào giá hợp đồng để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

#### **Điều 26. Bảo hành công trình**

1. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã hoàn thành đưa vào sử dụng và được xác định tại **ĐKCT**. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình được quy định tại **ĐKCT**.

3. Trong thời gian bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hỏng hóc liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

## D. QUẢN LÝ CHI PHÍ

### **Điều 27. Biểu giá hợp đồng**

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục 1 là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó.<sup>(13)</sup>

### **Điều 28. Thuế**

Các yêu cầu về thuế được quy định tại ĐKCT.

### **Điều 29. Điều chỉnh giá hợp đồng**

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá. Nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá hợp đồng được quy định tại ĐKCT.

### **Điều 30. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

---

(1) Trường hợp áp dụng hình thức trọn gói, cần quy định thêm: “Khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành theo thiết kế nhiều hơn hoặc ít hơn khối lượng nêu trong biểu giá hợp đồng (nếu có) không làm thay đổi giá hợp đồng.”

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

### **Điều 31. Tạm ứng**

1. Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu theo các nội dung quy định tại **ĐKCT**.

2. Việc hoàn trả tiền tạm ứng được thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.

### **Điều 32. Thanh toán**

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo các nội dung quy định tại **ĐKCT**.

### **Điều 33. Thưởng và phạt vi phạm hợp đồng**

1. Trường hợp quy định tại **ĐKCT**, nhà thầu được thưởng một khoản tiền theo mức quy định tại **ĐKCT** cho các sáng kiến của nhà thầu, cho mỗi ngày hoàn thành sớm công trình so với ngày hoàn thành dự kiến. Tổng số tiền thưởng không vượt quá tổng số tiền quy định tại **ĐKCT**.

2. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại **ĐKCT** cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại **ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

3. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng được nêu tại **ĐKCT**.

4. Các yêu cầu khác về thưởng, phạt vi phạm hợp đồng được nêu tại **ĐKCT**.

## **E. HOÀN THÀNH, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

### **Điều 34. Nghiệm thu**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trình và công trình theo thời gian được quy định tại **ĐKCT** kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

### **Điều 35. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành**

1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại **ĐKCT**.

2. Nếu nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại **ĐKCT** hoặc các tài liệu này không được chủ đầu tư chấp nhận, chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại **ĐKCT** từ khoản thanh toán đến hạn cho nhà thầu.

### **Điều 36. Chấm dứt hợp đồng**

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong thời gian quy định tại **ĐKCT** trong khi việc ngừng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá thời gian quy định tại **ĐKCT**;

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác nêu tại **ĐKCT**.

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trình an toàn và rời công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư.

### **Điều 37. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng**

1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu nêu tại Điều 36 Chương này, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư nêu tại Điều 36 Chương này hoặc do bất khả kháng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi ứng nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng



mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

3. Mọi vật liệu tại công trường, máy móc, thiết bị, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của chủ đầu tư nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu.

## Chương XI ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều	Khoản	Nội dung
1	3	Chủ đầu tư: _____ [ <i>Ghi tên chủ đầu tư</i> ]
	4	Nhà thầu: _____ [ <i>Ghi tên nhà thầu</i> ]
	6	Tư vấn giám sát: _____ [ <i>Ghi tên tư vấn giám sát</i> ]
	12	Công trường: _____ [ <i>Ghi địa điểm công trường</i> ]
2		- Luật điều chỉnh hợp đồng: _____ [ <i>Ghi cụ thể luật điều chỉnh nếu có quy định khác</i> ]
		- Ngôn ngữ của hợp đồng: _____ [ <i>Ghi ngôn ngữ của HSMT, nếu ngôn ngữ này không phải là tiếng Việt</i> ]
3	1	Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng: - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ <i>[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng, hoặc sau khi ký hợp đồng như ngày trước ngày hợp đồng có hiệu lực...]</i> - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ <i>[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thế chấp của ngân hàng, tổ chức tài chính. Ví dụ, việc yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức nộp thế chấp của ngân hàng:</i> <i>Trước hợp nhà thầu phải nộp bảo lãnh thì phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc một ngân hàng, tổ chức tài chính ở nước ngoài (được chủ đầu tư chấp thuận) phát hành, theo Mẫu số 17 Chương XII hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận. Trước hợp bảo lãnh do một ngân hàng, tổ chức tài</i>

		<p>chính ở n- ớc ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam hoặc phải đ- ợc một ngân hàng của Việt Nam có quan hệ đại lý với ngân hàng phát hành xác nhận tr- ợc khi gửi tới chủ đầu t- .]</p> <p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % giá hợp đồng.</p> <p>[Ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu và tối đa là 10% giá hợp đồng; tr- ờng hợp để phòng ngừa rủi ro cao thì giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải cao hơn nh- ng không quá 30% giá hợp đồng].</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____.</p> <p>[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình đ- ợc nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định]</p>
	3	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____</p> <p>[Ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu.</p> <p>Ví dụ: Chủ đầu t- phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn _____ ngày kể từ khi công trình đ- ợc bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.]</p>
4		<p>Hình thức hợp đồng: _____ [Ghi một hoặc các hình thức hợp đồng phù hợp và nguyên tắc thanh toán đối với từng hình thức. Đối với hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng không đ- ợc điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trừ tr- ờng hợp bất khả kháng. Đối với hợp đồng theo đơn giá, nhà thầu đ- ợc thanh toán trên cơ sở khối l- ợng công việc thực tế đã thực hiện].</p>
5	1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT]</p>
	2	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không v- ợt quá: _____ giá hợp đồng [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi phần trăm cho phù hợp. Nhà thầu phụ không thực hiện toàn bộ công việc của gói thầu.]</p>

	4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ, nếu có...]
6		Hợp tác với nhà thầu khác: _____ [Ghi các yêu cầu về thời gian, nội dung mà nhà thầu phải hợp tác với cơ quan, tổ chức khác để cùng sử dụng công tr- ờng, nếu có].
7	1	Danh sách cán bộ chủ chốt: _____ [Ghi danh sách cán bộ chủ chốt phù hợp với Danh sách cán bộ chủ chốt nh- kê khai tại Mẫu số 7A Ch- ơng IV].
11	2	Trách nhiệm pháp lý tối đa: _____ [Ghi trách nhiệm pháp lý tối đa. Trách nhiệm pháp lý tối đa không v- ợt quá giá hợp đồng x k, trong đó k là hệ số và th- ờng bằng 1].
13		Yêu cầu về bảo hiểm: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả chủ đầu t- và nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật t- , máy móc, thiết bị, nhà x- ởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với ng- ời lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với ng- ời thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...]
14		Yêu cầu về công trình tạm: _____ [Nêu yêu cầu về công trình tạm, nếu có. Ví dụ: Nhà thầu phải trình thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với các công trình tạm dự kiến cho chủ đầu t- phê duyệt. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc thiết kế các công trình tạm. Việc chấp thuận của chủ đầu t- sẽ không làm thay đổi trách nhiệm của nhà thầu về việc thiết kế công trình tạm].
17		Ngày giao công tr- ờng (mặt bằng thi công): _____ [Ghi ngày giao công tr- ờng]
19	2	Thời gian để tiến hành hòa giải: _____ Giải quyết tranh chấp: _____ [Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...]
20		- Ngày khởi công: _____ [Ghi ngày dự định khởi công] - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [Ghi ngày hoàn

		<i>thành dự kiến]</i>
21	1	Thời gian trình Bảng tiến độ thi công chi tiết: _____ <i>[Ghi thời gian trình Bảng tiến độ thi công chi tiết]</i>
	3	- Thời gian cập nhật Bảng tiến độ thi công chi tiết : _____ <i>[Ghi thời gian cập nhật Bảng tiến độ thi công chi tiết]</i> - Số tiền giữ lại: _____ <i>[Ghi số tiền giữ lại]</i>
22	1	d) Các tr- ờng hợp khác: _____ <i>[Ghi các tr- ờng hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác, nếu có]</i>
24	2	Vật t- , máy móc, thiết bị: _____ <i>[Ghi vật t- , máy móc, thiết bị cần yêu cầu nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm, nếu có]</i>
26	1	Thời gian bảo hành công trình: _____ <i>[Ghi thời gian bảo hành công trình]</i>
	2	Yêu cầu về bảo hành công trình: _____ <i>[Ghi yêu cầu về bảo hành công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng]</i>
28		Yêu cầu về thuế: _____ <i>[Nêu yêu cầu về thuế, chẳng hạn đơn giá và giá hợp đồng đã bao gồm các loại thuế, phí các loại... Đối với hợp đồng theo đơn giá, cần quy định thêm cách thức xử lý khi Nhà n- ớc có sự thay đổi về chính sách thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng.]</i>
29		Điều chỉnh giá hợp đồng: _____ <i>[Việc điều chỉnh giá hợp đồng áp dụng đối với hình thức theo đơn giá. Trong Mục này cần quy định rõ nội dung điều chỉnh, ph- ơng pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá. Cần quy định sử dụng báo giá, hoặc chỉ số giá của các cơ quan có thẩm quyền tại địa ph- ơng, Trung - ơng hoặc cơ quan chuyên ngành độc lập của n- ớc ngoài ban hành đối với các chi phí có nguồn gốc từ n- ớc ngoài. Có thể áp dụng công thức điều chỉnh giá hợp đồng do tr- ợ giá. Trong Mục này cũng cần quy định việc điều chỉnh giá đ- ợc thực hiện thông qua điều chỉnh đơn giá hoặc điều chỉnh giá hợp đồng do tr- ợ giá.]</i>
31	1	Tạm ứng: _____ <i>[Ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, ph- ơng thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Trong tr- ờng hợp cần thiết, có thể yêu cầu nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 18 Ch- ơng XII].</i>

	2	<p>Hoàn trả tiền tạm ứng: _____</p> <p><i>[Ghi cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Ví dụ, tiền tạm ứng sẽ đ-ợc hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khác đến hạn cho nhà thầu trên cơ sở theo tiến độ phần trăm hoàn thành công trình...]</i></p>
32		<p>Ph-ong thức thanh toán: _____</p> <p><i>[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này.</i></p> <p><i>Việc thanh toán cho nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng thư tín dụng, chuyển khoản... Số lần thanh toán có thể quy định theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng.</i></p> <p><i>Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].</i></p>
33	1	<p>Mức th- ỏng: _____ <i>[Ghi mức th- ỏng đối với việc hoàn thành sớm công trình, sáng kiến của nhà thầu. Tr- ờng hợp không áp dụng th- ỏng hợp đồng thì nêu rõ].</i></p> <p>Tổng số tiền th- ỏng tối đa: _____ <i>[Ghi tổng số tiền th- ỏng tối đa, nếu có]</i></p>
	2	<p>Mức phạt: _____</p> <p><i>[Ghi nội dung về phạt vi phạm hợp đồng phù hợp với pháp luật về xây dựng].</i></p>
	3	<p>Yêu cầu về phạt do chủ đầu t- không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: _____ <i>[Nêu quy định về phạt hợp đồng trong tr- ờng hợp này (nếu có)]</i></p>
	4	<p>Yêu cầu khác về th- ỏng, phạt vi phạm hợp đồng: _____ <i>[Nêu yêu cầu khác về th- ỏng, phạt vi phạm hợp đồng, chẳng hạn phạt khi nhà thầu không đảm bảo chất lượng...]</i></p>
34		<p>Thời gian tiếp nhận công trình: _____ <i>[Ghi thời gian tiếp nhận công trình]</i></p>
35	1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ <i>[Ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công]</i></p>
	2	<p>Số tiền giữ lại: _____ <i>[Ghi số tiền giữ lại]</i></p>
36	1	<p>a) Nhà thầu ngừng thi công trong thời gian: _____ <i>[Ghi</i></p>

	<p><i>số ngày]</i></p> <p>b) Chủ đầu t- yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ thi công v- ợt quá: _____ <i>[Ghi số ngày]</i></p> <p>d) Các hành vi khác: _____ <i>[Nêu hành vi khác (nếu có)]</i></p>
--	--

**Chương XII**  
**MẪU HỢP ĐỒNG**

**Mẫu số 16**

**HỢP ĐỒNG<sup>14</sup>**

*(Văn bản hợp đồng xây lắp)*

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

Căn cứ<sup>15</sup> \_\_\_\_ (*Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội*)

Căn cứ<sup>2</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội*);

Căn cứ<sup>2</sup> \_\_\_\_ (*Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội*);

Căn cứ<sup>2</sup> \_\_\_\_ (*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đấu thầu xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội*);

Căn cứ<sup>2</sup> \_\_\_\_ (*Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng*);

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư- (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư- [Ghi tên chủ đầu tư-] \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

<sup>14</sup> Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

<sup>15</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*tr- ờng hợp đ- ợc ủy quyền*).

### **Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*tr- ờng hợp đ- ợc ủy quyền*).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

#### **Điều 1. Đối t- ợng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

#### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự - u tiên pháp lý nh- sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục khác);
2. Biên bản th- ờng thảo hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);



8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu**

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm đ- ọc nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu t-**

Chủ đầu t- cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo ph- ơng thức đ- ọc quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng nh- thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác đ- ọc quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và ph- ơng thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng. Tr- ờng hợp giá hợp đồng đ- ọc ký bằng nhiều đồng tiền khác nhau thì ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền đó, ví dụ: 5 triệu USD + 20 tỷ VND (năm triệu đôla Mỹ và hai m- oi tỷ đồng Việt Nam)].

2. Ph- ơng thức thanh toán: Thanh toán theo ph- ơng thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng (Điều 32 ĐKCT).

### **Điều 6. Hình thức hợp đồng: \_\_\_\_\_**

[Nêu các hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 4 ĐKCT].

### **Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_**

[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với khoản 2 Mục 1 BDL, HSĐT và kết quả th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 1 ĐKC].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng đ- ọc lập thành \_\_\_\_\_ bộ, chủ đầu t- giữ \_\_\_\_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý nh- nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên chủ đầu t- ]

(sau đây gọi là chủ đầu t-)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(2)</sup>

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho chủ đầu t- bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_\_ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu t- bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [Ghi số tiền bảo lãnh] nh- đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu t- thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(4)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong tr- ờng hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là th- bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh, thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu t- xem xét, quyết định. Trong tr- ờng hợp này, đoạn trên có thể sửa lại nh- sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [Ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 3 ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên chủ đầu t-* ]

(sau đây gọi là chủ đầu t- )

[*Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ [*Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho chủ đầu t- một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*Ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_\_ [*Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của chủ đầu t-, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét tr- ớc, thanh toán cho chủ đầu t- khi chủ đầu t- có yêu cầu với một khoản tiền không v- ợt quá \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng đ- ọc ký giữa nhà thầu và chủ đầu t- sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ đ- ợc giảm dần t- ong ứng với số tiền tạm ứng mà chủ đầu t- thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của chủ đầu t- về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận đ- ợc khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi chủ đầu t- thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 31 ĐKCT (thông th- ờng áp dụng đối với gói thầu đấu thầu quốc tế).

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Điều 31 ĐKCT.

## **PHỤ LỤC 1**

### **BIỂU GIÁ**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này đ- ợc lập trên cơ sở yêu cầu của HSMT, HSĐT và những thỏa thuận đã đạt đ- ợc trong quá trình th- ơng thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm biểu giá cho từng hạng mục, nội dung công việc. Tùy tính chất và quy mô của gói thầu mà biểu giá có thể bao gồm nhiều phần: phần công việc áp dụng hình thức trọn gói, phần công việc áp dụng hình thức theo đơn giá...]*

## PHỤ LỤC 2 CÁC VÍ DỤ

**Ví dụ 1:** TCDG về mặt kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm đối với gói thầu xây dựng phần thô một tòa nhà cao tầng, có tầng hầm (đã thi công cọc móng)

Stt	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng</b>	<b>25</b>	<b>18</b>
1.1	Xi măng (có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp đáp ứng yêu cầu)	6	
1.2	Cốt thép (có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp đáp ứng yêu cầu)	6	
1.3	Bê tông (có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp đáp ứng yêu cầu)	6	
1.4	Các loại vật liệu khác: gạch, cát, đá sỏi, chất chống thấm (có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp đáp ứng yêu cầu)	7	
<b>2</b>	<b>Hệ thống tổ chức và nhân sự</b>	<b>15</b>	<b>10</b>
2.1	Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, máy móc, thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường</li> <li>- Các đội, tổ thi công</li> </ul>	8	
2.2	Nhân sự khác (ngoại trừ nhân sự chủ chốt đã đánh giá trong yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ trách kỹ thuật, chất lượng</li> <li>- Các cán bộ kỹ thuật giám sát thi công cho từng công tác thi công (vật liệu, trắc đạc, kết cấu bê tông, gạch, cơ khí)</li> </ul>	7	

- Các đội tr- ởng thi công cho từng công tác thi công
- Trình độ tay nghề của các công nhân chủ chốt/ bậc cao

<b>3</b>	<b>Các giải pháp kỹ thuật cho các công tác/ hạng mục chủ yếu</b>	<b>35</b>	<b>24</b>
3.1	Tổ chức mặt bằng công tr- ởng:	5	
	- Mặt bằng bố trí công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải		
	- Bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo		
	- Giải pháp cấp điện, cấp n- ớc, thoát n- ớc, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công		
3.2	Giải pháp trắc đạc để định vị các kết cấu công trình (trong quá trình thi công và tiếp tục quan trắc lún của công trình sau này)	4	
3.3.	Thi công tầng hầm	14	
	- Đào đất	2	
	- Chắn cừ, bảo vệ thành vách hố móng	4	
	- Phá đầu cọc	2	
	- Thi công BTCT đài, giằng móng	2	
	- Thi công BTCT t- ởng, sàn tầng hầm và chống thấm tầng hầm.	4	
3.4.	Thi công kết cấu phần thân công trình (từ cốt + 0.00 đến mái)	7	
	- Thi công kết cấu bê tông phần thân (cốp pha, cây chống, giàn giáo, cung cấp bê tông, đổ bê tông cột, sàn)	5	
	- Gia công, lắp dựng kết cấu thép trên mái	2	
3.5.	Thi công các hạng mục khác:	3	
	Các bể n- ớc, bể phốt trong tầng hầm, các đ- ờng ống kỹ thuật d- ới sàn tầng hầm (cọc tiếp địa, đ- ờng ống thoát n- ớc cho bể phốt)		
3.6.	Lấp đất hoàn trả hiện trạng đến cốt cao độ hiện có của vỉa hè, hoàn trả kết cấu hạ tầng bị ảnh h- ởng	2	

<b>4</b>	<b><i>Biện pháp, quy trình quản lý thi công</i></b>	<b>15</b>	<b>10</b>
4.1	<i>Quản lý chất l-ợng:</i>	4	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Quản lý chất l-ợng vật t-: các quy trình kiểm tra chất l-ợng vật t-, tiếp nhận, l-u kho, bảo quản</i></li> <li>- <i>Quản lý chất l-ợng cho từng loại công tác thi công (đào, lấp đất, cốp pha, đà giáo, cốt thép, bê tông, nề, chống thấm): quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu</i></li> <li>- <i>Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi m- a bão</i></li> <li>- <i>Sửa chữa h- hỏng và bảo hành công trình</i></li> </ul>		
4.2	<i>Quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán</i>	1	
4.3	<i>Quản lý an toàn trên công tr- ờng</i>	4	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động</i></li> <li>- <i>Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công</i></li> <li>- <i>Phòng chống cháy nổ trong và ngoài công tr- ờng</i></li> <li>- <i>An toàn giao thông ra vào công tr- ờng</i></li> <li>- <i>Bảo vệ an ninh công tr- ờng, quản lý nhân lực, thiết bị</i></li> </ul>		
4.4	<i>Quản lý an toàn cho công trình và c- dân xung quanh công tr- ờng:</i>	3	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề</i></li> <li>- <i>Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh</i></li> <li>- <i>An toàn cho c- dân xung quanh công tr- ờng</i></li> </ul>		
4.5	<i>Quản lý môi tr- ờng:</i>	3	
	<i>Các biện pháp giảm thiểu</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tiếng ồn</i></li> <li>- <i>Bụi, khói</i></li> </ul>		

- Rung
- Kiểm soát n-ớc thải các loại
- Kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất
- Kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công tr- ờng

<b>5</b>	<b>Tiến độ thi công</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
5.1	Tổng tiến độ thi công: thời hạn hoàn thành công trình, sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công	5	
5.2	Các biểu đồ huy động: nhân lực, vật liệu, thiết bị	3	
5.3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, đảm bảo thiết bị trên công tr- ờng hoạt động liên tục	2	
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>	<b>70</b>

**Ví dụ 2:** TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với gói thầu “Khôi phục 30 km đường giao thông theo tiêu chuẩn đường cấp III với mặt cắt ngang nền đường rộng 12 m”

**1. Biện pháp thi công**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<u>1. Bảo đảm giao thông:</u>	Có đề xuất xây dựng 2 đoạn tránh, 1 cầu tạm	Đạt



- Xây dựng 2 đoạn tránh, 1 cầu tạm	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu	Không đạt
<b>2. Thi công nền và mặt đ-ờng:</b> - Bố trí đủ 3 mũi thi công, mô tả biện pháp, công nghệ thi công các hạng mục chính (đào đất, đắp đất, cấp phối...) theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Bố trí đủ 3 mũi thi công. Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công	Đạt
	Không bố trí đủ 3 mũi thi công, hoặc đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công	Không đạt
<b>3. Chuẩn bị hiện tr-ờng xây dựng:</b> - Bố trí phòng thí nghiệm, thiết bị, nhân lực thi công, mỏ vật liệu đắp nền, bố trí lán trại phục vụ thi công	Có đề xuất việc bố trí phòng thí nghiệm, thiết bị, nhân lực, mỏ vật liệu đắp nền, xây dựng lán trại	Đạt
	Chỉ đề xuất việc bố trí phòng thí nghiệm, thiết bị, nhân lực thi công, mỏ vật liệu đắp nền. Không nêu việc bố trí lán trại phục vụ thi công	Chấp nhận đ-ợc
	Đề xuất không đủ 4 nội dung: phòng thí nghiệm, thiết bị, nhân lực, mỏ vật liệu đắp nền trong chuẩn bị hiện tr-ờng xây dựng	Không đạt
<b>4. Biện pháp giám sát và quản lý chất l-ợng trong thi công nền đ-ờng, mặt đ-ờng:</b> a) Bố trí lực l-ợng giám sát cho 3 mũi thi công b) Các biện pháp kiểm tra và quản lý chất l-ợng	Đề xuất đủ đối với cả 2 nội dung a) và b)	Đạt
	Không đề xuất đủ 2 nội dung trên a) và b)	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Các tiêu chuẩn chi tiết 1, 2, 4 đ-ợc xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 3 đ-ợc xác định là đạt hoặc chấp nhận đ-ợc	Đạt
	Không thuộc các tr-ờng hợp nêu trên	Không đạt

## 2. Tiến độ thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>1. Thời gian thi công:</b> - Đảm bảo thời gian thi công không quá 18 tháng có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công không v-ợt quá 18 tháng có tính đến điều kiện thời tiết	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công v-ợt quá 18 tháng, hoặc không tính đến điều kiện thời tiết	Không đạt
<b>2. Tính phù hợp:</b> a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b)	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b)	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều đ-ợc xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt	Không đạt

**Ví dụ 3:** Bảng tiên l- ợng đối với gói thầu xây dựng đ- ờng cao tốc lý trình Km 248+00 - Km 255+500 thuộc Dự án xây dựng đ- ờng cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn I)

<i>Stt</i>	<i>Hạng mục công việc</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Khối l- ợng</i>
<b>CÔNG TÁC NỀN Đ- ỜNG</b>			
1	Phá dỡ kết cấu bê tông	$m^3$	1.197,00
2	Đào đất nền đ- ờng	$m^3$	2.662,58
3	Đào hữu cơ	$m^3$	257.406,42
4	Đắp cát nền đ- ờng cao tốc đạt $K \geq 0,95$	$m^3$	915.727,98
5	Đắp cát bề phản áp $K \geq 0,90$	$m^3$	17.603,95
6	Đắp cát nền đ- ờng đ- ờng gom $K \geq 0,90$ bằng cát tận dụng	$m^3$	47.763,16
7	Đắp cát nền đ- ờng đ- ờng gom $K \geq 0,90$ bằng cát mua	$m^3$	95.550,00
8	Đắp đất bao đ- ờng cao tốc $K \geq 0,95$	$m^3$	172.745,08
9	Đắp đất bao đ- ờng cao tốc $K \geq 0,90$	$m^3$	2.655,91
10	Đắp đất bao ta luy đ- ờng gom tận dụng từ dỡ tải	$m^3$	22.574,04
11	Đắp cấp phối gia cố l- ợng đạt $K \geq 0,95$	$m^3$	15.223,48
12	Đắp đất $K \geq 0,98$ dới KCMD đ- ờng cao tốc	$m^3$	96.167,75
13	Đắp $K \geq 0,95$ dày 30cm dới KCMD đ- ờng gom	$m^3$	16.151,67
14	Đắp đất dải phân cách giữa (K90) bằng đất tận dụng	$m^3$	26.092,11
15	Đắp đất hữu cơ bao ta luy đ- ờng cao tốc (0,1m) bằng đất tận dụng	$m^3$	19.846,73
16	Đào cải m- ơng	$m^3$	24.717,67
17	Đắp cải m- ơng bằng đất tận dụng	$m^3$	33.037,04
<b>CÔNG TÁC XỬ LÝ NỀN ĐẤT YẾU</b>			
1	Vải địa kỹ thuật c- ờng độ chịu kéo 12KN/m	$m^2$	682.026,20
2	Vải địa kỹ thuật c- ờng độ chịu kéo 200KN/m	$m^2$	48.266,30
3	Đệm cát hạt trung (K90)	$m^3$	251.622,70
4	Đệm cát hạt nhỏ (K90)	$m^3$	236.906,10
5	Giếng cát	$m$	959.735,80
6	Bấc thấm	$m$	1.210.194,50
7	Đào thay đất yếu	$m^3$	81.841,20
8	Cát hạt nhỏ đắp thay đất yếu (cát tận dụng)	$m^3$	67.275,77
9	Cát hạt nhỏ đắp thay đất yếu (cát mua mới)	$m^3$	14.565,43

10	Đắp gia tải bằng cát	m <sup>3</sup>	41.806,50
11	Dỡ gia tải	m <sup>3</sup>	41.806,50
12	Đắp bù lún đạt K > 95	m <sup>3</sup>	295.352,30
13	Đắp gia tải phân trong KC mặt đ-ờng (bằng đất tận dụng)	m <sup>3</sup>	272.486,19
14	Đắp gia tải phân trong KC mặt đ-ờng (bằng cát)	m <sup>3</sup>	73.232,43
15	Dỡ tải phân bù kết cấu mặt đ-ờng	m <sup>3</sup>	345.718,61
16	Bàn quan trắc lún	cái	219
17	Cọc gỗ quan trắc dịch chuyển ngang	cọc	864
18	Thiết bị quan trắc n-ớc lỗ rỗng (pizometer, Inclinator, giếng)	bộ	4
19	Đá dăm 1x2 làm tầng lọc	m <sup>3</sup>	102,00
20	Đắp đất đôi phía cửa thoát n-ớc	m <sup>3</sup>	7.349,40
...			

**Ví dụ 4:** Yêu cầu về vật liệu xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam

<b>Stt</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>
1	<b>Xi măng</b>	
	Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:1999
	Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:1997
2	<b>Cốt liệu và n-ớc trộn cho bê tông và vữa</b>	
	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVNXD 7570:2006
	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Các ph-ơng pháp thử	TCVN 7572:2006
	N-ớc trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCXDVN 302:2004
3	<b>Bê tông</b>	
	Hỗn hợp Bê tông trộn sẵn - Các yêu cầu cơ bản đánh giá chất l-ợng và nghiệm thu	TCVNXD 374:2006
4	<b>Cốt thép cho bê tông</b>	
	Thép cốt bê tông - Thép vằn	TCVN 6285:1997

	<i>Thép cốt bê tông - L- ới thép hàn</i>	<i>TCVN 6286:1997</i>
5	<i>Gạch đất sét nung</i>	
	<i>Gạch rỗng đất sét nung</i>	<i>TCVN 1450:1986</i>
	<i>Gạch đặc đất sét nung</i>	<i>TCVN 1451:1986</i>
	...	

**Ví dụ 5:** *Yêu cầu về quy phạm thi công, nghiệm thu*

<b>Stt</b>	<b>Loại công tác</b>	<b>Quy chuẩn, tiêu chuẩn</b>
1	<i>Công tác trắc địa, định vị công trình</i>	
	<i>Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung</i>	<i>TCVNXD 309:2004</i>
2	<i>Công tác thi công đất</i>	
	<i>Công tác đất-Quy phạm thi công và nghiệm thu</i>	<i>TCVN 4447:1987</i>
3	<i>Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép</i>	
	<i>Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế</i>	<i>TCVNXD 356:2005</i>
	<i>Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối- Quy phạm thi công và nghiệm thu (trừ mục 6.8 đ- ợc thay thế bởi TCVNXD 305:2004)</i>	<i>TCVN 4453:1995</i>
	<i>Bê tông khối lớn - Quy phạm thi công và nghiệm thu (thay thế mục 6.8 của TCVN 4453-1995)</i>	<i>TCVNXD 305:2004</i>
	<i>Kết cấu Bê tông và Bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu</i>	<i>TCVNXD 390:2007</i>
	<i>L- ới thép hàn dùng trong kết cấu Bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế thi công lắp</i>	<i>TCVNXD 267:2002</i>

*đặt và nghiệm thu*

*Bê tông nặng - Yêu cầu d- ỡng ẩm tự nhiên*      *TCVNXD 391:2007*

...